

CÔNG TY TNHH PHONG VIỆT VIỆT NAM

-----oOo-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án đầu tư

**XUỞNG GIA CÔNG SẢN XUẤT KINH DOANH
PHỤ KIỆN GIÀY DÉP DA**

Địa điểm: phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình

Ninh Bình, tháng năm 2023

CÔNG TY TNHH PHONG VIỆT VIỆT NAM

-----oOo-----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của dự án đầu tư
XUỞNG GIA CÔNG SẢN XUẤT KINH DOANH
PHỤ KIỆN GIÀY DÉP DA

Địa điểm: phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình



CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

GIÁM ĐỐC
Mai Công Tài



ĐƠN VỊ TƯ VẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trọng Đạt

Ninh Bình, tháng năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC HÌNH ẢNH.....	v
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	vi
CHƯƠNG I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1. Tên chủ dự án đầu tư.....	1
1.1. Thông tin về dự án đầu tư	1
1.2. Mục tiêu đầu tư của dự án.....	1
2. Tên dự án đầu tư.....	1
2.1. Thông tin dự án.....	1
2.2. Mô tả các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và các đối tượng khác có khả năng bị tác động bởi dự án	2
2.2.1. Các đối tượng tự nhiên	2
2.2.2. Các đối tượng kinh tế - xã hội và dân cư	3
2.3. Hiện trạng sử dụng khu đất của dự án	3
2.3.1. Hiện trạng sử dụng đất	3
2.3.2. Hiện trạng xây dựng và lắp đặt máy móc.....	4
2.3.3. Cơ quan thẩm định các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án	8
2.4. Quy mô của dự án đầu tư.....	8
2.4.4. Quy mô dự án đầu tư	8
2.4.5. Phạm vi dự án.....	8
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án	9
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	9
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	9
3.2.1. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	11
3.3. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	12
3.3.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng cho dự án	12
3.3.2. Nhu cầu sử dụng điện	13
3.3.3. Nhu cầu sử dụng nước.....	13
3.3.4. Nhu cầu sử dụng các nguyên, nhiên, vật liệu khác	14

4. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....	14
4.1.1. Tiến độ thực hiện dự án.....	14
4.1.2. Tổng mức đầu tư	15
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	17
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	17
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	17
CHƯƠNG III.....	19
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	19
1. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	19
1.1. Hiện trạng môi trường	19
1.1.1. Hiện trạng môi trường nước mặt.....	19
1.1.2. Hiện trạng môi trường không khí.....	19
1.1.3. Dữ liệu về tài nguyên sinh vật xung quanh khu vực dự án	21
1.2. Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn tiếp nhận nước thải	21
1.2.4. Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải	21
1.2.5. Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải	21
CHƯƠNG IV.....	23
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	23
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	23
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án	23
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	23
2.1. Công trình biện pháp xử lý nước thải	23
2.1.1. Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt.....	23
2.1.2. Các biện pháp xử lý nước thải khác	25
2.2. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải, mùi.....	25
2.2.3. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, mùi từ công đoạn sản xuất	25
2.2.3.1. Bụi khí thải phát sinh từ công đoạn đập, cắt nguyên vật liệu.	25
2.2.3.2. Hơi dung môi từ công đoạn pha keo, dán keo, quét nước xử lý	27
2.2.4. Biện pháp xử lý bụi, khí thải khác.....	28
2.3. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải rắn	29
2.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	29

2.3.2. Chất thải sản xuất thông thường.....	30
2.3.3. Chất thải rắn nguy hại	31
2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	34
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	35
2.5.1. Phương án phòng cháy chữa cháy.....	35
2.5.2. Giảm thiểu nguồn nhiệt dư và các yếu tố vi khí hậu trong nhà xưởng	36
2.5.3. Bảo đảm an toàn hóa chất.....	36
2.5.4. Phương án phòng, chống và sơ cấp cứu người khi xảy ra TNLĐ.....	38
2.5.5. Phương án ứng phó khi xảy ra sự cố tai nạn giao thông	38
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	38
3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và kinh phí công trình xử lý môi trường của dự án.....	39
3.2. Kế hoạch xây lắp công trình và kế hoạch tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	39
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	39
4.1. Về mức độ chi tiết của các đánh giá	39
4.2. Về độ tin cậy của các đánh giá	40
CHƯƠNG V.....	41
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	41
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	41
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	42
CHƯƠNG VI.....	43
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ	
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	43
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.....	43
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	43
1.1.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải	43
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:	44
1.2.2. Quan trắc đối với công trình xử lý nước thải	44
1.2.3. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	45
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	46

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Tọa độ các điểm ranh giới khu vực dự án (hệ VN2000)	1
Bảng 2: Bảng thống kê sử dụng đất.....	3
Bảng 3: Các hạng mục xây dựng của dự án	5
Bảng 4: Kiến trúc các công trình xây dựng của dự án	6
Bảng 5: Danh mục máy móc, trang thiết bị đã lắp đặt	7
Bảng 6: Quy mô hoạt động của nhà máy	8
Bảng 7: Định mức nhu cầu nguyên vật liệu trên một đơn vị sản phẩm	12
Bảng 8: Khối lượng và tính chất hóa học của hóa chất sử dụng trong sản xuất của dự án	12
Bảng 9: Nhu cầu sử dụng các nguyên liệu phụ trong quá trình hoạt động sản xuất	14
Bảng 10: Tiến độ thực hiện dự án	14
Bảng 11: Tổng mức đầu tư dự án	15
Bảng 12: Quy mô và tổ chức nhân sự	15
Bảng 13: Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí.....	20
Bảng 14: Các thông số đặc trưng gây ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	22
Bảng 15: Tải lượng bụi phát sinh trong quá trình sản xuất	26
Bảng 16: Nồng độ bụi phát sinh trong quá trình sản xuất.....	26
Bảng 17: Nồng độ hơi dung môi (hợp chất hữu cơ bay hơi - VOCs) phát sinh.....	27
Bảng 18: Dự toán kinh phí các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	39
Bảng 19: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm.....	41
Bảng 20: Danh mục các hạng mục hệ thống xử lý nước thải.....	43
Bảng 21: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm.....	43

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Vị trí của dự án2

Hình 2: Một số hình ảnh hiện trạng của dự án5

Hình 3: Sơ đồ dây chuyền công nghệ sản xuất của dự án10

Hình 4: Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt.....24

Hình 1: Khu vực lưu trữ chất thải rắn của công ty31

Hình 2: Thông thoáng nhà xưởng tự nhiên36

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ATLĐ: An toàn lao động	KT-XH: Kinh tế - Xã hội
BOD ₅ : Nhu cầu oxy sinh hóa trong 5 ngày	NTSH: Nước thải sinh hoạt
BQL: Ban quản lý	NTSX: Nước thải sản xuất
BTH: Bể tự hoại	PCCC: Phòng cháy chữa cháy
BTNMT: Bộ tài nguyên và môi trường	QCVN: Quy chuẩn Việt Nam
BVMT: Bảo vệ môi trường	TCXD: Tiêu chuẩn xây dựng
COD: Nhu cầu oxy hóa học	TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
CTRSH: Chất thải rắn sinh hoạt	TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
CTRSX: Chất thải rắn sản xuất	TNMT: Tài nguyên môi trường
CTNH: Chất thải nguy hại	XLNT: Xử lý nước thải
GHCP: Giới hạn cho phép	UBND: Ủy ban nhân dân
GPMB: Giải phóng mặt bằng	VHTN: Vận hành thử nghiệm
GTVT: Giao thông vận tải	VSMT: Vệ sinh môi trường
	WC: Khu vệ sinh

CHƯƠNG I.

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

1.1. Thông tin về dự án đầu tư

- Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Phong Việt Việt Nam
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Mai Công Tài
- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0973922689
- Địa chỉ văn phòng: Phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 2700926671 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/03/2021.

1.2. Mục tiêu đầu tư của dự án

Xưởng gia công sản xuất kinh doanh phụ kiện giày dép da được đầu tư với mục tiêu phục vụ thị trường sản xuất giày dép trong và ngoài nước; tạo thêm việc làm cho lao động địa phương, tăng thêm nguồn thu cho Công ty, đóng góp vào ngân sách địa phương, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội trên địa bàn. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện nghiêm túc các nội dung, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường.

2. Tên dự án đầu tư

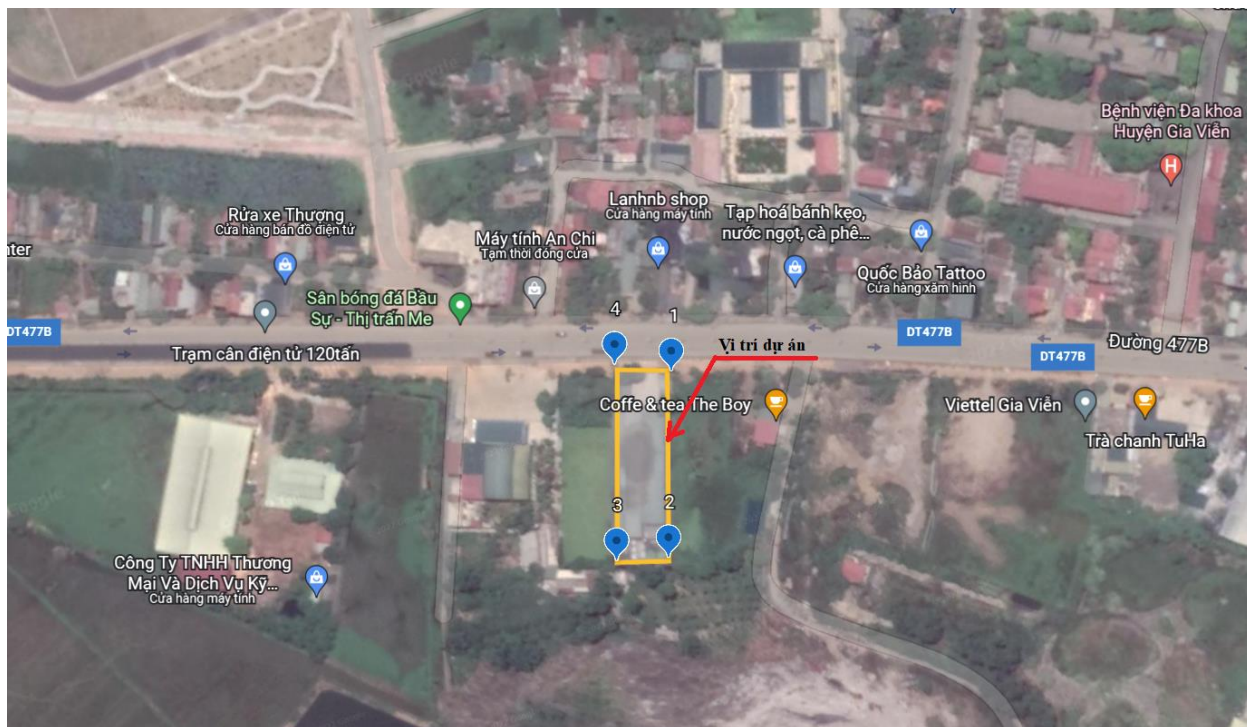
2.1. Thông tin dự án

- Tên dự án đầu tư: Xưởng gia công sản xuất kinh doanh phụ kiện giày dép da.
- Địa điểm thực hiện dự án: Phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.
- Diện tích thửa đất thực hiện dự án là: 1177m².
- **Phạm vi, ranh giới của khu vực dự án:**
 - Phía Bắc: Giáp với đường tỉnh lộ ĐT477B.
 - Phía Nam: Giáp với núi đá.
 - Phía Đông và phía Tây: Giáp với khu đất liền kề.

Toạ độ các góc của khu đất dự án được thể hiện như trong bảng sau:

Bảng 1: Toạ độ các điểm ranh giới khu vực dự án (hệ VN2000)

Số hiệu thửa	Toạ độ điểm định vị	
	Theo trục X	Theo trục Y
1	2250501.3	587545.6
2	2250469.5	587537.9
3	2250467.4	587509.4
4	2250500.7	587523.8



Hình 1: Vị trí của dự án

2.2. Mô tả các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và các đối tượng khác có khả năng bị tác động bởi dự án

2.2.1. Các đối tượng tự nhiên

❖ Hệ thống đường giao thông

ĐT477B: Công ty nằm trên tỉnh lộ 477B nối thị trấn Me- xã Gia Thắng. Điểm khởi đầu của tuyến đường nối với tỉnh lộ 477 nối từ ngã ba Gián Khẩu (Quốc lộ 1A) đến Ngã Ba Chạ (ĐT479) . Tuyến đường có bề rộng mặt đường khoảng 15m với hai làn đường nên thuận tiện cho việc lưu thông giao thông.

❖ Hệ thống sông suối, ao hồ và các nguồn nước khác

Qua khảo sát, dự án nằm trên mặt đường tỉnh lộ ĐT477B, trong phạm vi khu vực dự án không có nguồn nước mặt nào và tại khu vực công ty cũng không khai thác, sử dụng nguồn nước dưới đất. Vì vậy, dự án không gây ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt của người dân.

❖ Điều kiện khí hậu, khí tượng

Khu vực dự án thuộc huyện Gia Viễn, chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa và của núi rừng nhiệt đới. Bên cạnh đó, nơi đây còn chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam. Về mùa hè khí hậu nóng bức, có lượng mưa lớn bình quân hàng năm tới 1.700-1.900 mm. Mùa đông chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc do địa hình nhiều ô trũng, núi đồi bao bọc. Nhiệt độ trung bình 23,5 °C. Số giờ nắng trong năm: 1.600-1.700 giờ. Độ ẩm tương đối trung bình: 80-85%.

2.2.2. Các đối tượng kinh tế - xã hội và dân cư

❖ Các điểm khu dân cư:

Quanh khu vực dự án có mật độ dân cư thưa thớt. Mặc dù nằm trên mặt đường ĐT477B nhưng vị trí của công ty cách khu dân cư gần nhất khoảng 50m về phía Đông và phía Bắc.

❖ Trung tâm hành chính-chính trị, trường học

+ Cách dự án khoảng 230m về phía Đông có Bệnh viện Đa khoa huyện Gia Viễn, cách dự án khoảng 560m về phía Đông là UBND huyện Gia viễn, cách dự án khoảng 530m về phía là Ban chỉ huy quân sự huyện Gia Viễn,...

+ Trường học: Cách dự án khoảng 90m về phía Bắc có Trường mầm non thị trấn Me; cách dự án khoảng 360m về phía Bắc là Trường THCS Gia Vượng.

+ Các cơ sở sản xuất kinh doanh: Nằm trên cùng tuyến đường tỉnh lộ 477B với khu vực dự án có các cơ sở kinh doanh dịch vụ như: Quán cà phê Coffe & tea The Boy, Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ kỹ thuật Tiềm vọng, Cửa hàng máy tính An Chi, Lanhnb shop, Quốc bảo Tattoo, Cửa hàng tạp hóa bánh kẹo,...

❖ Các đối tượng khác

+ Hệ thống thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải của dự án dọc theo tuyến đường ĐT477B.

+ Hiện trạng vệ sinh môi trường: Môi trường xung quanh khu vực được thực hiện tốt, đã có điểm thu gom rác của khu vực, có đội vệ sinh thu gom rác tại các khu vực theo đúng quy định; Hệ thống thoát nước mưa theo các rãnh thoát nước mưa được xây dựng theo quy hoạch chung của thị trấn Me.

+ Quanh khu vực dự án không có đền chùa, khu di tích lịch sử, khu du lịch, không có diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng tự nhiên. Trong phạm vi 5,0 km từ dự án cũng không có khu bảo tồn, rừng nguyên sinh,...

2.3. Hiện trạng sử dụng khu đất của dự án

2.3.1. Hiện trạng sử dụng đất

Khu đất thuộc “Dự án đầu tư xây dựng Xưởng gia công sản xuất phụ kiện giày dép da” tại phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình được Công ty TNHH Phong Việt Việt Nam thuê lại theo Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 25/03/2021.

Hiện tại khu đất dự án có tổng diện tích là 1177m² với chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

Bảng 2: Bảng thống kê sử dụng đất

STT	Chỉ tiêu – loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
-----	---------------------	-----------------------------	-----------

1	Tổng diện tích phục vụ dự án	1177	100
2	Diện tích xây dựng công trình	844	71.7
3	Diện tích sân+ đường giao thông nội bộ	153	13
4	Diện tích cây xanh+ mặt nước	180	15,3
5	Mật độ xây dựng		71,7
6	Hệ số sử dụng đất		0.72 lần

2.3.2. Hiện trạng xây dựng và lắp đặt máy móc

Hiện tại, công ty đã hoàn chỉnh các công trình như nhà xưởng, hạ tầng kỹ thuật giao thông, lắp đặt thiết bị máy móc và hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải và các công trình bảo vệ môi trường.





Hình 2: Một số hình ảnh hiện trạng của dự án

❖ Các hạng mục công trình đã được xây dựng như sau:

Bảng 3: Các hạng mục xây dựng của dự án

STT	Hạng mục	Diện tích XD (m ²)
1	Cổng, tường rào	4
2	Lán để xe (01 lán)	27
3	Nhà bảo vệ (01 nhà)	9
4	Nhà văn phòng (01 nhà)	13,5
5	Kho CTR	4,5
6	Xưởng sản xuất	725
7	Nhà ăn	13
8	Phòng nghỉ cho CBCNV	29
9	Nhà vệ sinh	8
10	Cây xanh cảnh quan + mặt nước	180

11	Sân đường giao thông nội bộ	153
12	Trạm biến áp	2
13	Nhà pha keo	9
Tổng		1177

❖ *Quy mô kiến trúc các công trình xây dựng của dự án*

Bảng 4: Kiến trúc các công trình xây dựng của dự án

STT	Hạng mục kiến trúc	Đặc điểm
1	Hệ thống cổng, tường rào	<ul style="list-style-type: none"> - 01 cổng trụ, cột cổng bằng lõi BTCT xây gạch bao xung quanh, Cánh cổng là dạng cổng xếp vật liệu inox304, 2 bên có bánh xe, có ray dẫn hướng và bộ điều khiển từ xa.
2	Nhà bảo vệ	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích xây dựng 9m²; diện tích sàn 9m²; số tầng 01 tầng; chiều cao công trình là 3,6m. - Nhà bảo vệ được thiết kế làm khu vực làm việc của bảo vệ kiểm soát người và phương tiện ra vào Công ty.
3	Xưởng sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Xưởng B: Diện tích xây dựng 338,24m²; diện tích sàn 338,24m²; số tầng cao 01 tầng; chiều cao công trình 7,2m. - Xưởng A: Diện tích xây dựng 369,6m²; diện tích sàn 369,6m²; số tầng cao 01 tầng; chiều cao công trình 7,2m. - Xưởng được thiết kế là nơi gia công các sản phẩm phụ kiện giày da - Công trình được thiết kế 01 tầng, kết cấu khung BTCT, tường xây gạch, vì kèo xà gồ C120x45x18x2, mái lợp tôn sóng vuông dày 0.47mm.
4	Kho CTR	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu diện tích: 4.5 m², số tầng 01 tầng, chiều cao công trình 3m. - Được thiết kế là nơi tập kết CTR của Nhà máy.
5	Nhà ăn ca	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu diện tích: diện tích xây dựng là 13m², diện tích sàn là 13m², số tầng 01 tầng, chiều cao công trình là 3m. - Được thiết kế là nơi ăn ca cho CBCNV của Nhà máy.

STT	Hạng mục kiến trúc	Đặc điểm
		<ul style="list-style-type: none"> - Công trình được thiết kế 01 tầng, khung cột BTCT, tường xây gạch chỉ, mái BTCT lợp tôn chống nóng.
6	Nhà nghỉ	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu diện tích: diện tích xây dựng là 29m², diện tích sàn là 29m², số tầng 01 tầng, chiều cao công trình là 3,9m. - Được thiết kế là nơi nghỉ ngơi cho CBCNV của Nhà máy. - Công trình được thiết kế 01 tầng, khung cột BTCT, tường xây gạch chỉ, mái BTCT lợp tôn chống nóng.
7	Nhà để xe (1 lán)	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu diện tích: tổng diện tích xây dựng là 27m², diện tích sàn là 27m², số tầng 01 tầng, chiều cao công trình là 2,6m. - Được thiết kế là nơi để xe cho CBCNV của Nhà máy và khách hàng. - Công trình được thiết kế 01 tầng, kết cấu khung thép ống, tôn austnam màu đỏ dày 0.47mm, xà gồ thép U80.
8	Các hạng mục phụ trợ: bồn hoa cây xanh, sân đường nội bộ	Các hạng mục phụ trợ, bồn hoa cây xanh, sân đường nội bộ được thiết kế xen kẽ, hài hòa với khu chức năng nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, PCCC và tạp cảnh quan, làm nền cho các công trình kiến trúc khác.

Bảng 5: Danh mục máy móc, trang thiết bị đã lắp đặt

STT	Tên thiết bị	Số lượng
1	Máy cắt EVA	1
2	Máy xẻ EVA	1
3	Ép lạnh	4
4	Thùng sấy ép lạnh	4
5	Máy đục lỗ	2
6	Máy ép nóng	2
7	Máy chặt EVA	6
8	Chuyên băng tải	1
9	Máy lăn keo	1
10	Tủ điện tổng	1

STT	Tên thiết bị	Số lượng
11	Tủ điện phân nhánh	15

2.3.3. Cơ quan thẩm định các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án

Cơ quan cấp các loại giấy phép liên quan đến môi trường là UBND huyện Gia Viễn
Cụ thể:

- Theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội: Dự án thuộc Điểm a, Khoản 5, Điều 28 quy định Dự án đầu tư Nhóm III là dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường. Theo Điều 39 các dự án đầu tư Nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải có Giấy phép môi trường.
- Cũng theo Luật này, tại Khoản 4, Điều 41 thì cơ quan cấp giấy phép môi trường cho dự án là UBND huyện Gia Viễn.

2.4. Quy mô của dự án đầu tư

2.4.4. Quy mô dự án đầu tư

Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về Đầu tư công số 39/2019/QH14): Diện tích khu đất sử dụng là 1177m². Xưởng gia công sản xuất kinh doanh phụ kiện giày dép da với quy mô 2 triệu sản phẩm/năm và có tổng mức đầu tư dự án là 15.000.000.000 đồng, dự án nằm trong tiêu chí phân loại dự án nhóm C thuộc lĩnh vực quy định tại Điểm d, Khoản 4, Điều 8 Luật đầu tư công (dự án có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng).

Xưởng gia công sản xuất kinh doanh phụ kiện giày dép da thuộc loại dự án đầu tư trong nước, sử dụng nguồn vốn tự có của công ty có năng lực sản xuất 2 triệu sản phẩm/năm.

Quy mô hoạt động của cơ sở được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 6: Quy mô hoạt động của nhà máy

TT	Nội dung	Quy mô
1	Tên dự án: Xưởng gia công sản xuất nguyên phụ liệu giày da	
2	Địa chỉ: phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	
3	Quy mô sử dụng đất	1177m ²
4	Quy mô sản xuất	2 triệu sản phẩm/năm
5	Tổng mức đầu tư	15.000.000.000 đồng

2.4.5. Phạm vi dự án

Nhà xưởng có diện tích đất là 1177m² thuộc Thửa đất số 1229, tờ bản đồ số 12, phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình (theo hợp đồng thuê đất giữa anh Thành và Công ty TNHH Phong Việt Việt Nam ngày 25/03/2021) với mục tiêu gia công sản

xuất kinh doanh phụ kiện giấy da. Nhà xưởng được thuê lại, bao gồm các hạng mục phụ trợ đồng bộ: hạ tầng kỹ thuật nhà xưởng sản xuất, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, hệ thống PCCC. Ngoài ra còn lắp đặt các thiết bị phục vụ hoạt động của công trình bao gồm: điều hòa, đèn chiếu sáng, quạt thông gió, quạt treo tường, máy in, máy tính, thiết bị vệ sinh,...

Công trình bảo vệ môi trường: bể phốt, thùng chứa rác thải sinh hoạt, kho chứa chất thải sản xuất,...

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Dự án được đầu tư với diện tích 1177m², bao gồm 02 nhà xưởng và các hạng mục phụ trợ khác. Xưởng gia công sản xuất các sản phẩm phụ liệu giấy da, chủ yếu là sản xuất tấm lót giày với công suất là 2 triệu sản phẩm/năm.

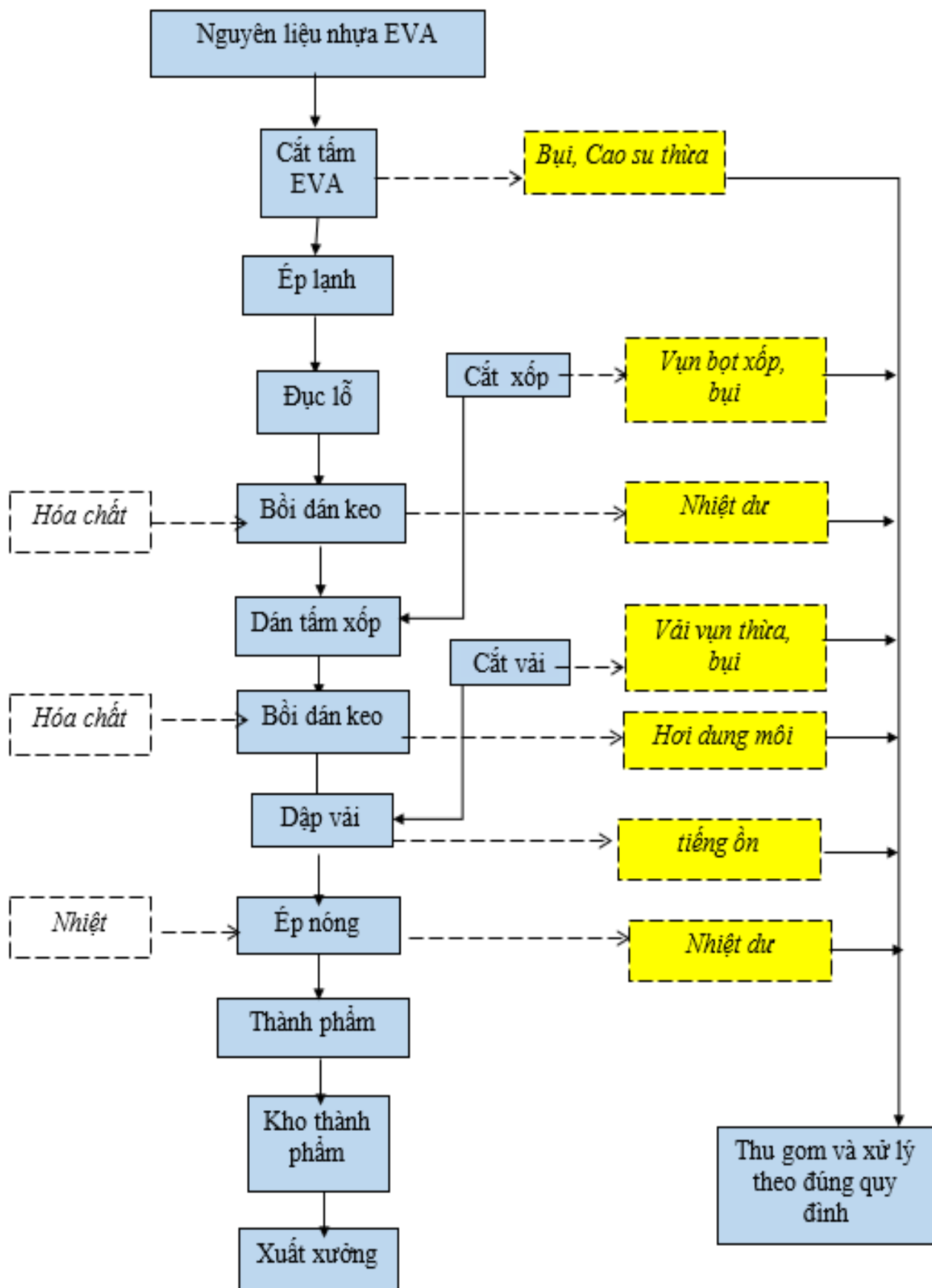
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

a) Sơ đồ quy trình sản xuất của cơ sở

Quy trình sản xuất của dự án xưởng gia công phụ kiện giấy da được tổ chức theo quy trình khép kín, đồng bộ, mức độ tự động hóa cao, nhằm giảm thiểu chi phí sản xuất và nâng cao năng suất lao động của công nhân. Dây chuyền công nghệ sản xuất được sử dụng tại nhà máy thuộc công nghệ tiên tiến, hiện đại và đồng bộ, đều đang được sử dụng hiệu quả và rộng rãi.

Dưới đây là sơ đồ quy trình sản xuất của dự án:

➤ Quy trình sản xuất



Hình 3: Sơ đồ dây chuyền công nghệ sản xuất của dự án

➤ **Thuyết minh quy trình**

Nguyên liệu đầu vào của quy trình sản xuất tấm lót giày là loại tấm EVA, PU, TPE, vải các loại,...hoặc là các bán thành phẩm được các đối tác gia công ở ngoài. Sau đó sẽ được kiểm tra và đưa vào công đoạn sản xuất:

Chặt, cắt: Đối với mỗi loại lót giày theo mẫu khác nhau sẽ tiến hành cắt theo mẫu quy định theo từng lô hàng. Quá trình cắt chặt được tiến hành bằng máy đã cài đặt sẵn.

Tại đây nguyên liệu như tấm EVA, vải, mút xốp các loại sẽ được tiến hành cắt tùy theo thiết kế về hình dáng, kích thước của vật liệu trước khi bồi dán.

Quá trình cắt làm phát sinh bụi và rìa nguyên liệu, lượng bụi phát sinh tại quá trình này không cao. Rìa nguyên liệu dư thừa được thu gom vào bao chứa, hàng ngày công nhân sẽ chuyển về kho lưu trữ của công ty trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

Ép lạnh: Tấm EVA sau khi cắt sẽ chuyển sang ép lạnh. Máy ép không cần gia nhiệt do đó không phát sinh chất thải trong quá trình này

Đục lỗ: Tấm EVA tiếp tục qua máy đục lỗ để đục các lỗ thoát khí

Bồi dán keo: Nguyên vật liệu sau khi chuẩn bị xong được công nhân cho từng lớp đi qua máy bồi keo rồi dán lớp xốp lên phần EVA đã được đục lỗ (đã được lăn qua một lớp mặt keo), tiếp tục dán lớp vải vào ta được bán thành phẩm.

Quá trình này phát sinh hơi keo. Tuy nhiên, loại keo mà Công ty sử dụng là keo gốc nước nên công đoạn này không cần lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý hơi keo mà Công ty áp dụng biện pháp thông thoáng nhà xưởng...

Ép nóng: Bán thành phẩm sau khi bồi dán được chuyển sang máy ép nóng ở nhiệt độ $T = 118^{\circ}\text{C} (+/-4^{\circ}\text{C})$ để ép dính các lớp vào nhau thành hình lót giày. Công đoạn ép nóng sẽ làm phát sinh mùi và nhiệt dư thừa do ép ở nhiệt độ cao. Tuy nhiên nhà xưởng được thiết kế thông thoáng và bố trí các quạt hút gió dọc theo nhà xưởng nên không làm ảnh hưởng đến quá trình làm việc của công nhân viên.

Thành hình: Các tấm thành hình lót giày được đưa vào máy chặt để chặt thành lót giày thành phẩm. Quá trình này phát sinh rìa nguyên liệu. Rìa nguyên liệu dư thừa được thu gom vào bao chứa và lưu trữ tại kho CTR của công ty trước khi chuyển giao cho đơn vị xử lý.

Công đoạn chỉnh lý bao gồm việc hút bụi, cắt ba via dư.

Sau khi hoàn tất quy trình sản xuất tấm lót giày sẽ được nhập kho và chờ xuất hàng cho nhà sản xuất.

3.2.1. Sản phẩm của dự án đầu tư

Xưởng sản xuất với lượng sản phẩm là tấm lót giày với năng suất là 2 triệu sản phẩm/năm.

3.3. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

3.3.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng cho dự án

➤ **Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất phục vụ cho hoạt động sản xuất của dự án**

Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất phục vụ cho hoạt động sản xuất của dự án được trình bày qua bảng sau:

Bảng 7: Định mức nhu cầu nguyên vật liệu trên một đơn vị sản phẩm

STT	Danh mục nguyên liệu	Số lượng (Kg/năm)
1	Tấm nhựa EVA	13.739,00
2	Nylon	58.301,15
3	Mút xốp từ các polyurethan (PU)	196.448,12
4	Tấm nhựa TPE	105.971,28
5	Màng PE	634,30
6	Keo dán	41.650,00
7	Vải dệt được phủ với Polyurethan (PU)	7.759,00
8	Hỗn hợp dung môi hữu cơ (chất xử lý)	3.387,00
9	Vải dệt thoi 100% sợi filament Nylon	76.396,50
Tổng		504.286,35

(Nguồn: Công ty TNHH Phong Việt Việt Nam, 2022)

➤ **Hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất của dự án**

Hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất của dự án được trình bày như sau:

Bảng 8: Khối lượng và tính chất hóa học của hóa chất sử dụng trong sản xuất của dự án

STT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Thành phần hóa chất	Tính chất của hóa chất
1	Keo dán (PU hệ nước)	Tấn/năm	41,65	Keo PU lỏng, Nước (H ₂ O) 45- 55%, Polyurethane 45-55%	Chất lỏng màu trắng sữa Trị số pH: 6-8 Giới hạn sôi: 100oC Mật độ hơi: 0,7.

STT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Thành phần hóa chất	Tính chất của hóa chất
					Ổn định dưới điều kiện thường
2	Chất xử lý (PU45)	Tấn/năm	3,4	Methyl ethyl ketone, Diethylformamide, Ethyl acetate, Polyurethane, Acetone	Chất lỏng trong, mùi dung môi nồng. Giới hạn sôi: 56 – 178°C. Nặng hơn không khí. Ổn định dưới các điều kiện thường.

➤ **Nhu cầu sử dụng nhiên liệu trong quá trình sản xuất:**

Các máy móc, thiết bị của dự án trong giai đoạn sản xuất đều hoạt động bằng điện nên không cần sử dụng nguồn nhiên liệu xăng dầu.

3.3.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện Công ty sử dụng được lấy từ đường điện cao thế của khu vực (lưới điện cao áp 110kV Ninh Bình công suất 2x25MVA) sau đó được đưa qua trạm biến áp của công ty (35kV) và đưa vào phục vụ cho quá trình sản xuất của công ty.

- Nhu cầu sử dụng điện của dự án:
- + Nhu cầu điện chiếu sáng nhà xưởng, thiết bị phụ trợ, thiết bị và sinh hoạt văn phòng khoảng 20kW.
- + Nhu cầu cấp điện cho 2 xưởng sản xuất, mỗi xưởng sản xuất khoảng 100kW, tổng cộng khoảng 200kW.

3.3.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cấp nước: Nguồn nước phục vụ hoạt động của công ty được lấy từ nguồn cấp nước sạch của thị trấn Me thông qua hệ thống cấp nước chạy dọc theo tuyến đường chính của thị trấn.
- Nhu cầu sử dụng nước:
- + Nhu cầu cấp nước sinh hoạt: Tổng số cán bộ công nhân trong giai đoạn hoạt động của dự án là 50 người. Ước tính nhu cầu sử dụng nước của một người là 25 lít/ca (theo Bảng 3.4 TCXDVN 33:2006 Cấp nước- mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế) Vào những ngày nhiều đơn hàng, công ty tăng ca sản xuất với 02ca/ngày. Như vậy tổng lượng nước dùng cho sinh hoạt là: 50 người x 25 lít x 2 ca = 2500 lít = 2,5 m³/ngđ. Tại khu vực nhà máy thi thoảng có khách vãng lai tới sử dụng nước với hệ số dùng nước không điều hòa K_{max}= 1,2 thì lượng nước tối đa sử dụng một ngày tại công ty khoảng 2,5 x 1,2= 3

m³/ngày.Như vậy lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt tại nhà máy là:
3m³/ngày đêm.

+ Nhu cầu cấp nước cho sản xuất: Không có.

3.3.4. *Nhu cầu sử dụng các nguyên, nhiên, vật liệu khác*

Ngoài các nguyên, nhiên vật liệu chính kể trên, các loại nguyên, nhiên vật liệu phụ khác sử dụng cho quá trình sản xuất bao gồm:

Bảng 9: Nhu cầu sử dụng các nguyên liệu phụ trong quá trình hoạt động sản xuất

TT	Nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Dầu mỡ bôi trơn thiết bị, máy móc	kg/tháng	200
2	Chất lau rửa nhà vệ sinh	lít/tháng	50
3	Chế phẩm sinh học bổ sung vào bể phốt	kg/tháng	200

4. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

4.1.1. *Tiến độ thực hiện dự án*

Tiến độ thực hiện Dự án được dự tính như sau:

Bảng 10: Tiến độ thực hiện dự án

STT	Hạng mục	Dự kiến thời gian hoàn thành (tháng)	Thời điểm dự kiến từ khởi công đến hoàn thành
1	Mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị, sản xuất thử nghiệm.	Quý III năm 2022	Tháng 12 năm 2022
2	Bổ sung, hoàn thiện các hạng mục bảo vệ môi trường	1	Tháng 1 năm 2023
3	Dự án đi vào hoạt động chính thức		Sau khi lắp đặt hoàn thiện các hạng mục của dự án , Công ty xin các giấy phép để dự án đi vào hoạt động. Do đó dự án đi vào hoạt động chính thức từ Tháng 3 năm 2023

4.1.2. Tổng mức đầu tư

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 15.000.000.000 VNĐ (Mười lăm tỷ đồng./.) trong đó:

Bảng 11: Tổng mức đầu tư dự án

STT	Hạng mục	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí máy móc thiết bị sản xuất	14,000,000,000
2	Chi phí các hạng mục bảo vệ môi trường và các chi phí khác	1.000,000,000
	TỔNG	15,000,000,000

4.1.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Nhu cầu lao động khi dự án đi vào hoạt động là 50 người. Dự kiến số lượng lao động khi công ty đi vào hoạt động ổn định sẽ được tổ chức như sau:

Bảng 12: Quy mô và tổ chức nhân sự

STT	Bộ phận	Số người	Ghi chú
<i>I</i>	<i>Khối Văn phòng</i>		
1	Ban giám đốc	1	Đại học
2	Tổ chức hành chính	1	Đại học, cao đẳng
3	Kế toán	1	Đại học, cao đẳng
4	Kế hoạch kinh doanh	1	Đại học, cao đẳng
5	Nhân viên môi trường/PCCC	1	Đại học/cao đẳng
<i>II</i>	<i>Khối sản xuất</i>		
1	Quản đốc	1	Đại học, cao đẳng
2	Bảo vệ	1	Lao động phổ thông qua đào tạo
3	Vệ sinh	1	Lao động phổ thông qua đào tạo
4	Công nhân	42	Lao động phổ thông qua đào tạo
	Tổng cộng	50	

- Tuyển dụng, đào tạo và tổ chức sản xuất

+ Đối tượng tuyển dụng: Tất cả lao động được tuyển chọn, sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Các lao động trực tiếp sản xuất sẽ được lấy từ địa phương và các vùng lân cận.

+ Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động được bảo đảm bằng hợp đồng lao động ký kết giữa từng người lao động với Giám đốc. Thỏa ước lao động tập thể ký kết giữa đại diện tập thể lao động với Giám đốc và phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động.

- Chương trình sản xuất

+ Doanh nghiệp tổ chức lao động theo ca, mỗi ca làm việc 8 giờ/ca làm việc. Xưởng sản xuất làm việc 1 ca/ngày, từ 8h00 đến 17h00 hàng ngày. Thời gian làm việc từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần và nghỉ ngày chủ nhật. Những đợt cao điểm khối lượng đơn hàng nhiều, Công ty bố trí làm việc 2 ca/ngày: ca sáng từ 8h00 đến 17h00 và ca đêm từ 21h00 đến 6h00. Cán bộ và công nhân viên được nghỉ luân phiên theo kế hoạch của Doanh nghiệp và thỏa thuận với người lao động nếu có nhu cầu làm việc thêm ngoài giờ quy định, Doanh nghiệp sẽ đảm bảo thực hiện chế độ tiền lương tăng thêm theo đúng quy định của nhà nước.

CHƯƠNG II.

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án phù hợp với Quyết định số 1314/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Dự án phù hợp với Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Dự án “Xưởng gia công sản xuất kinh doanh phụ kiện giày da” của Công ty TNHH Phong Việt Việt Nam có địa chỉ tại phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, được Phòng đăng ký kinh doanh-Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2700926671, ký lần đầu ngày 19/03/2021.

Như vậy, dự án phù hợp với chính sách phát triển kinh tế và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở hoạt động phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường như sau:

Mối quan hệ của dự án với khu vực xung quanh: dự án tuy nằm trên mặt đường tỉnh lộ 477B nhưng vị trí của công ty cách khu dân cư gần nhất khoảng 50m, phía Bắc được phân cách bởi tuyến đường tỉnh lộ DT477B, phía Đông và phía Tây được phân cách bởi khu đất liền kề do đó tạo khoảng cách lưu không giữa khu dân cư và khu vực sản xuất của công ty. Đồng thời khu vực dự án có tường bao xung quanh nên không làm ảnh hưởng đến các khu vực lân cận. Ngoài ra tại nhà máy có bố trí khu vực trồng cây xanh để tạo không khí thoáng mát, điều hòa khí hậu trong và xung quanh khu vực công ty cũng như làm giảm tiếng ồn phát sinh do hoạt động sản xuất. Vì vậy địa điểm của cơ sở là phù hợp và an toàn về môi trường đối với khu dân cư.

Dự án “Xưởng gia công sản xuất kinh doanh phụ kiện giày da” được đầu tư với những hoạt động trong ngành sản xuất phụ kiện giày da nên trong quá trình hoạt động của cơ sở có 02 nguồn thải chính thải ra môi trường là nước thải và rác thải.

- Đối với nước thải: Lượng nước thải phát sinh trong quy trình hoạt động của nhà máy là rất ít (3 m³/ngđ). Toàn bộ nước thải được thu gom về bể tự hoại để xử lý trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của thị trấn Me.

- Đối với rác thải sinh hoạt: Công ty phối hợp với đội vệ sinh của tổ dân phố tiến hành thu gom, phân loại và xử lý rác thải theo đúng quy định hiện hành.

- Đối với rác thải sản xuất: Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện giám sát môi trường và lập báo cáo Giấy phép môi trường, các kết quả quan trắc hiện trạng môi trường nền cho thấy giá trị các thông số ô nhiễm tại hiện trạng môi trường tại khu vực dự án đều thấp hơn giới hạn cho phép theo các QCVN tương ứng. Quan trắc trực quan cũng có nhận xét tại khu vực dự án cho thấy môi trường khá trong sạch, không có dấu hiệu của ô nhiễm.

Vì vậy, dự án phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường. Và để đảm bảo chất lượng môi trường trong quá trình sản xuất, nhà máy luôn tuân thủ các quy định về môi trường, vận hành tốt các công trình BVMT và đảm bảo chất lượng môi trường trong nhà máy và xung quanh nhà máy luôn trong lành và sạch đẹp.

CHƯƠNG III.

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

1.1. Hiện trạng môi trường

1.1.1. Hiện trạng môi trường nước mặt

Qua khảo sát, dự án nằm trong khu đô thị loại V, tại khu vực dự án không có nguồn nước mặt nào (không có sông, hồ, ao, ngòi...) và cũng không khai thác, sử dụng nguồn nước dưới đất. Vì vậy, dự án không gây ảnh hưởng đến môi trường nước mặt hay nước ngầm xung quanh khu vực dự án.

1.1.2. Hiện trạng môi trường không khí

Để đánh giá hiện trạng môi trường không khí khu vực thực hiện dự án đơn vị tư vấn đã phối hợp với chủ đầu tư và Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch tiến hành lấy mẫu không khí và phân tích trong phòng thí nghiệm.

- **Đơn vị thực hiện quan trắc:** Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch
- Số điện thoại: 024.63299420
- Địa chỉ: Số 655 Phạm Văn Đồng, P. Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Chứng nhận VIMCERT 072, công nhận năng lực đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường do Bộ tài nguyên môi trường cấp ngày 02/04/2021.
- Lấy mẫu phân tích: Thực hiện lấy mẫu môi trường không khí làm 3 đợt, 2 mẫu/đợt.
- Các chỉ tiêu phân tích mẫu khí: Nhiệt độ, Độ ẩm, Tiếng ồn, Bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO₂.
- Các vị trí lấy mẫu không khí lựa chọn.

Bảng 3.1. Vị trí quan trắc mẫu không khí

Stt	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ lấy mẫu (VN2000)
1	K1	+ K1: Mẫu không khí lấy tại cổng Công ty	X = 2250531.5; Y = 587542.1
2	K2	+ K2: Mẫu không khí lấy tại vị trí bên cạnh nhà máy.	X = 2250507.9; Y = 587556.3

- Kết quả phân tích.

Bảng 13: Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đợt 1 (Lấy mẫu ngày 22/11/2022)		Đợt 2 (Lấy mẫu ngày 23/11/2022)		Đợt 3 (Lấy mẫu ngày 24/11/2022)		QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1h)
			K1	K2	K1	K2	K1	K2	
1	Nhiệt độ	°C	29,8	30,5	31,7	30,8	28,2	29,3	-
2	Độ ẩm	%	68,2	68,1	65,5	65,2	67,5	68,2	-
3	Tiếng ồn	dbA	65,7	63,4	67,4	62,8	68,4	64,7	70 ⁽²⁾
4	Bụi lơ lửng	µg/m ³	153	128	146	106	171	146	300 ⁽¹⁾
5	SO ₂	µg/m ³	81	63	78	57	65	52	350 ⁽¹⁾
6	CO ₂	µg/m ³	772	615	712	584	683	578	-
7	NO ₂	µg/m ³	68	42	54	38	54	41	200 ⁽¹⁾

- Tiêu chuẩn so sánh:

- + (-) : Không quy định tại quy chuẩn;
- + (¹) QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- + (²) QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

* **Nhận xét:** Kết quả phân tích mẫu môi trường không khí tại khu vực thực hiện dự án cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích ở tất cả các mẫu đều nằm trong giới hạn của quy chuẩn cho phép QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

Điều này chứng tỏ chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án tương đối tốt, trong lành và không có dấu hiệu ô nhiễm nào.

1.1.3. Dữ liệu về tài nguyên sinh vật xung quanh khu vực dự án

Qua khảo sát ngoài thực địa, Chúng tôi đã ghi nhận dọc theo dự án chủ yếu là hệ sinh thái đất nông nghiệp, khu vực thực hiện dự án và vùng lân cận có các đặc trưng của hệ sinh thái trên cạn nằm trong kiểu hệ sinh thái sau:

a. Hệ sinh thái trong khu dân cư

- Khu hệ thực vật: Thành phần loài thực vật nơi đây chủ yếu là các loài cây trồng lấy bóng mát, các loài cây bụi nhỏ, không có loài nào được ghi nhận có trong Sách Đỏ Việt Nam.
- Khu hệ động vật:
 - + Nhóm động vật có xương sống: các loài lưỡng cư như ếch, nhái; Loài bò sát như rắn, thằn lằn,...các loài động vật nuôi như chó, mèo,... và một số loài gặm nhấm nhỏ: Chuột,...
 - + Nhóm động vật không xương sống: chủ yếu bắt gặp lớp côn trùng như nhện, bướm, rết, giun đất, châu chấu, bọ xít...

b. Đánh giá chung về hệ sinh vật khu vực dự án

Qua khảo sát địa tại khu vực dự án cho thấy: xung quanh khu vực dự án không có loài động vật, thực vật nằm trong Sách Đỏ cần bảo vệ. Như vậy, có thể nói tính nhạy cảm về sự thay đổi các thành phần môi trường tại khu vực được đánh giá ở mức độ không cao. Tuy nhiên, để hạn chế tác động tiêu cực đến hệ động vật, thực vật tự nhiên trong khu vực dự án và các vùng lân cận, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

1.2. Mô tả đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn tiếp nhận nước thải

1.2.4. Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải là cống thoát nước chung của khu vực. Cống có nhiệm vụ tiếp nhận các nguồn nước thải của khu dân cư và các cơ sở kinh doanh, dịch vụ dọc theo tuyến đường ĐT477B.

- Nước thải từ các khu dân cư, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ chủ yếu được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại. Sau đó xả thẳng ra cống thoát nước chung của thị trấn Me.

1.2.5. Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải

Các đối tượng xả nước thải vào hệ thống cống thoát nước của thành phố gồm:

- Các hộ dân, các cơ sở kinh doanh sinh sống tại phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.
- Ngoài ra, xung quanh khu vực dự án có các trường học (Trường mầm non thị trấn Me, Trường THCS Gia Vượng), các cơ sở kinh doanh, dịch vụ (Quán cà phê Coffe & tea The Boy, Cửa hàng máy tính An Chi, Lanhn shop, Quốc bảo Tattoo, Cửa hàng tạp hóa bánh kẹo,...) trên địa bàn phố Me.

Nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận trên phố Me chủ yếu là nước thải sinh hoạt của khu dân cư, cửa hàng, nhà hàng ăn uống. Chế độ xả thải các nguồn này khoảng 24/24 giờ/ngày đêm. Hầu hết nước thải đều được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thải ra môi trường. Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của con người. Thành phần của nước thải sinh hoạt chứa chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng SS, các hợp chất hữu cơ, các hợp chất N, P, dầu mỡ và các vi sinh vật. Thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trước khi xử lý như sau:

Bảng 14: Các thông số đặc trưng gây ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ các chất ô nhiễm	
			Không xử lý	Xử lý bằng bể tự hoại
1	BOD ₅	mg/l	450 ÷ 540	100 ÷ 200
2	COD	mg/l	720 ÷ 1020	170 ÷ 340
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	700 ÷ 1450	80 ÷ 160
4	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	100 ÷ 300	42 ÷ 125
5	Tổng Nito	mg/l	60 ÷ 120	20 ÷ 40
6	Amoni	mg/l	24 ÷ 48	10 ÷ 20
7	Photphat	mg/l	8 ÷ 40	3 ÷ 10
8	Tổng Coliform	mg/l	10 ⁶ ÷ 10 ⁹	10 ⁴

(Nguồn: Trần Đức Hạ, Xử lý nước thải năm 2006)

❖ Tọa độ, địa giới hành chính nơi xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải từ bể tự hoại được xả ra rãnh thoát nước thải của sau đó dẫn ra cống thoát nước chung của thị trấn Me là nơi tiếp nhận nước thải.
- Vị trí xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận nước thải nằm phía trước cổng Công ty trên đường ĐT477B.
- Phương thức xả thải: Tự chảy
- Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN-2000):
X= 2250521.2 ; Y= 587547.6

CHƯƠNG IV.

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

Công ty TNHH Phong Việt Việt Nam đã thuê lại đất và các tài sản khác gắn liền với đất bao gồm: nhà xưởng, kho bãi và các hạng mục phụ trợ khác gắn liền với đất. Do khu vực thực hiện dự án đã hoàn thiện các hạng mục xây dựng nên hoạt động chủ yếu trong giai đoạn này là lắp đặt máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, vì vậy các tác động đến môi trường xung quanh ở giai đoạn này là rất nhỏ.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Công trình biện pháp xử lý nước thải

2.1.1. Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt

Các thành phần ô nhiễm chính đặc trưng thường thấy ở nước thải sinh hoạt là BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, Amoni. Đặc biệt một yếu tố gây ô nhiễm quan trọng trong nước thải sinh hoạt đó là các loại mầm bệnh được lây truyền bởi các vi sinh vật có trong phân. Vi sinh vật gây bệnh từ nước thải có khả năng lây lan qua nhiều nguồn khác nhau, qua tiếp xúc trực tiếp, qua môi trường (đất, nước, không khí, cây trồng, vật nuôi, côn trùng...), thâm nhập vào cơ thể người qua đường thức ăn, nước uống, hô hấp,..., và sau đó có thể gây bệnh.

Với thành phần ô nhiễm là các tạp chất nhiễm bẩn có tính chất khác nhau, từ các loại chất không tan đến các chất ít tan và cả những hợp chất tan trong nước, việc xử lý nước thải sinh hoạt là cần thiết để loại bỏ các tạp chất đó, làm sạch nước và có thể đưa nước vào nguồn tiếp nhận hoặc đưa vào tái sử dụng.

a. Nguồn phát sinh

- Nguồn nước thải sinh hoạt: Loại nước thải này phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên.

- Thành phần đặc trưng nước thải chia làm 2 loại nước đen và nước xám:

- + Nước đen là nước thải từ nhà vệ sinh, chứa phần lớn các chất ô nhiễm, chủ yếu là: chất hữu cơ, các vi sinh vật gây bệnh và cặn lơ lửng.
- + Nước xám là nước phát sinh từ quá trình rửa, tắm, giặt, với thành phần các chất ô nhiễm không đáng kể.

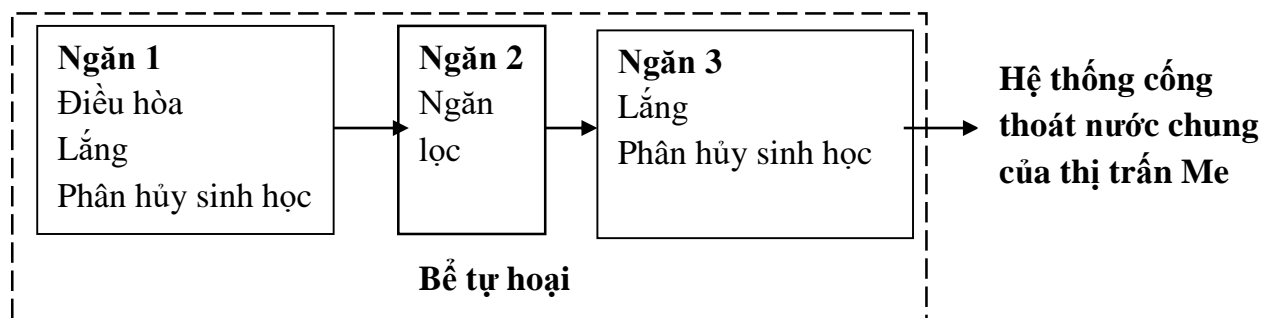
b. Tải lượng phát sinh

- Lượng nước cấp sinh hoạt cho 50 cán bộ công nhân viên của nhà máy với định mức 25lít/người/ca (Theo TCXDVN 33:2006 Tiêu chuẩn cấp nước- mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế). Vào những ngày nhiều đơn hàng, công ty tăng ca sản xuất

với 02ca/ngày. Như vậy tổng lượng nước dùng cho sinh hoạt là: 50 người x 25 lít x 2 ca = 2500 lít = 2,5 m³. Tại khu vực nhà máy thi thoảng có khách vắng lại tới sử dụng nước, với hệ số dùng nước không điều hòa $K_{\max} = 1,2$ thì lượng nước tối đa sử dụng một ngày tại công ty khoảng 2,5 x 1,2 = 3 m³/ngày, lượng nước thải định mức bằng 100% lượng nước cấp cho sinh hoạt theo Nghị định số 80:2014/NĐ-CP nên có lưu lượng là 3 m³/ngày đêm.

Như vậy, ước tính lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tối đa 3m³/ngày đêm.

c. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt



Hình 4: Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt

Ngăn 1: Ngăn chứa và điều hòa nước thải

Nước thải được thu gom từ nhà vệ sinh và các lavabo về ngăn này. Tại đây, quá trình phân hủy kỵ khí bắt đầu để chuyển hóa hỗn hợp trên thành bùn và nước. Hoạt động ngăn chứa sẽ quyết định khả năng chứa cũng như hoạt động của bể phốt. Kích thước ngăn chứa bao giờ cũng lớn nhất, thường chiếm 1/2 đến 1/3 tổng thể tích của bể tự hoại.

Ngăn 2: Ngăn lọc

Là ngăn dùng để lọc các chất lơ lửng được tạo ra từ quá trình phân hủy tại ngăn chứa. Ngăn này có diện tích khoảng 1/4 bể.

Ngăn 3: Ngăn lắng

Đây là nơi mà các chất thải rắn, không phân hủy được như kim loại, tóc, nhựa,...

Là ngăn thực hiện ổn định toàn bộ lượng chất rắn đã phân hủy và chưa phân hủy trong bể kỵ khí. Tầng trên cùng là các chất rắn không phân hủy có trong phân như: các loại hạt, vỏ. Tầng giữa là lớp nước trong. Tầng dưới là lớp bùn do quá trình phân hủy phân tạo thành. Ngăn lắng có diện tích khoảng 1/4 bể.

Như vậy bể tự hoại thực hiện đồng thời hai chức năng điều hòa và phân hủy cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong BTH dưới tác động của vi sinh vật kỵ khí sẽ bị phân hủy, một phần tạo các chất khí, một phần tạo các chất vô cơ hòa tan.

Công ty có 01 bể tự hoại tổng thể tích 7,5 m³ phù hợp với tổng mặt bằng, thuận lợi cho hoạt động thu gom, thoát nước thải. Đồng thời do lưu lượng xả thải của công ty là nhỏ, tối đa khoảng 3 m³/ngày đêm nên với thể tích của bể tự hoại hiện tại là 7,5 m³ hoàn toàn đảm bảo về mặt kỹ thuật đối với bể tự hoại.

2.1.2. Các biện pháp xử lý nước thải khác

❖ Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nước mưa chảy tràn

Thành phần ô nhiễm chủ yếu trong nước mưa chảy tràn là đất cát, lá cây, rác thải, cặn,... có thể gây ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường. Tuy nhiên, so với các nguồn nước thải khác, thì nước mưa chảy tràn được đánh giá là khá sạch. Vì vậy, Chủ dự án sẽ thu gom nước mưa chảy tràn vào hệ thống thoát nước mưa theo các ống dẫn PVC chạy vào hệ thống hố ga, rãnh thoát để lắng cặn, sau đó qua hệ thống cống thoát nước mưa thải ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của thị trấn Me nằm dọc theo đường tỉnh lộ ĐT477B.

- Biện pháp giảm thiểu nước mưa chảy tràn trong khuôn viên công ty được thu gom như sau:
 - + Hệ thống thoát nước mái: Nước mưa theo các ống dẫn PVC từ trên mái các công trình chảy xuống hệ thống cống thoát nước mặt ở phía dưới. Các ống dẫn PVC có đường kính D110.
 - + Hệ thống thoát nước mặt: Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ bề mặt khu vực Nhà máy được thu gom vào hệ thống hố ga, rãnh thoát bằng bê tông đặt ngầm dưới đất, chạy xung quanh khu vực công ty. Hệ thống rãnh thoát nước có kết cấu BTCT, độ dốc hệ thống $i = 0,5\%$, toàn bộ hệ thống có tấm đan đáy kín. Có tổng cộng 7 hố ga có kích thước $D \times R \times C: 100 \times 80 \times 200 \text{cm}$, các hố ga cách nhau khoảng 10-15m.
- Ngoài ra, Để hạn chế và phòng ngừa các tác động tiêu cực có thể xảy ra Công ty thực hiện các biện pháp như sau:
 - + Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần các tuyến thoát nước mưa để ngăn ngừa thất thoát và gây tắc nghẽn đường ống.
 - + Bố trí nắp đậy cho các hố ga lắng cặn
 - + Định kỳ 1 tháng/lần trong mùa mưa và 3 tháng/lần trong mùa khô để tiến hành nạo vét cặn lắng ở các hố ga nước mưa, không để chất thải sản xuất xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

2.2. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải, mùi

2.2.3. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, mùi từ công đoạn sản xuất

Trong quá trình sản xuất, bụi khí thải phát sinh từ quá trình đập, cắt nguyên liệu, do đó để giảm thiểu tác động đến môi trường trong và ngoài nhà xưởng cũng như không làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, công ty đã có những biện pháp xử lý, giảm thiểu tối đa khí và mùi của quá trình sản xuất.

2.2.3.1. Bụi khí thải phát sinh từ công đoạn đập, cắt nguyên vật liệu.

a. Nguồn phát sinh

Với công nghệ sản xuất của dự án như đã được mô tả ở Chương 1 thì bụi chủ yếu phát sinh ở công đoạn đập, cắt nguyên liệu. Theo tài liệu tham khảo của Tổ chức quản lý môi trường Bang Michigang – Mỹ, hệ số ô nhiễm bụi phát sinh từ quá trình sản xuất là 0,05 kg/tấn. Khối lượng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dự kiến dao động khoảng là 13,74 tấn nguyên liệu/năm (Bảng 8), khi đó ta có thể tính toán tải lượng bụi phát sinh trong quá trình sản xuất như sau:

Bảng 15: Tải lượng bụi phát sinh trong quá trình sản xuất

Hệ số ô nhiễm bụi	Khối lượng nguyên liệu sử dụng	Tải lượng bụi (kg/năm)	Tải lượng bụi (kg/ngày)
0,05 kg/tấn	13,74 tấn /năm	0,678	0,00226

(Nguồn: Michigan Department Of Environment Quality – Enviromental Science And Services Division)

Như vậy, tải lượng bụi phát sinh trong quá trình sản xuất rất nhỏ chỉ khoảng 0,00226 kg/ngày.

b. Nồng độ bụi phát sinh:

Nồng độ bụi tại các vị trí khác nhau sẽ có các giá trị khác nhau. Nồng độ này thường cao nhất tại khu vực phát sinh trực tiếp bụi. Để đánh giá nồng độ bụi một cách tương đối, chúng tôi tính toán nồng độ dựa trên tải lượng phát sinh chất ô nhiễm (theo thời gian) và không gian nhà xưởng.

Khu vực phát sinh bụi (đập, cắt nguyên liệu) có diện tích khoảng 1177 m². Phạm vi chiều cao ảnh hưởng là 7 m. Như vậy nồng độ bụi phát sinh trong 1h sản xuất là: $0,00226 \times 10^6 \text{ mg/8h} \times 1\text{h}/(1177 \times 7) \text{ m}^3 = 0,034 \text{ mg/m}^3$.

Bảng 16: Nồng độ bụi phát sinh trong quá trình sản xuất

STT	Chỉ tiêu	Nồng độ bụi (mg/m ³)
1	Bụi	0,034
QCVN 02:2019/BYT		8

Như vậy, theo tính toán thì nồng độ bụi phát sinh trong quá trình sản xuất là rất nhỏ và nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT. Tuy nhiên để hạn chế tối đa tác hại của bụi đối với công nhân Công ty có những biện pháp thông thoáng nhà xưởng đồng thời thực hiện vệ sinh nhà xưởng thường xuyên để giảm thiểu tối đa lượng bụi phát sinh trong quá trình sản xuất.

c. Tác động của bụi

Nhìn chung, bụi phát sinh từ các công đoạn sản xuất của nhà máy có khối lượng tương đối nhỏ, dễ xâm nhập vào cơ thể con người qua đường hô hấp, có thể gây viêm

mũi, ngạt thở, viêm phổi, bị các bệnh mãn tính về phổi nếu tiếp xúc lâu trong môi trường có nồng độ bụi cao mà không có giải pháp khắc phục hợp lý

2.2.3.2. Hơi dung môi từ công đoạn pha keo, dán keo, quét nước xử lý

Hơi dung môi phát sinh từ quá trình pha keo, dán keo, quét nước xử lý.

Theo phương pháp đánh giá nhanh của WHO hệ số ô nhiễm của các chất xử lý và hợp chất dung môi hữu cơ thông thường là 0,15 kg/tấn. Dựa trên khối lượng hóa chất sử dụng tại nhà máy và hệ số ô nhiễm trên ta có thể tính tải lượng và nồng độ hơi dung môi phát sinh như sau:

Khi dự án hoạt động thì khối lượng chất xử lý sử dụng trong quá trình sản xuất sử dụng nhiều nhất khoảng 45,05 tấn/năm \approx 0,15 tấn/ngày. Tải lượng hơi dung môi phát sinh là:

$$0,15 \text{ tấn/ngày} \times 0,15 \text{ kg/tấn} = 0,022 \text{ kg/ngày} \approx 22.500 \text{ mg/ngày}.$$

Toàn bộ hơi dung môi hơi hóa chất được thực hiện tại xưởng có diện tích 725,7 m² chiều cao tác động là 7m và được thu gom xử lý không phát tán ra môi trường thì nồng độ phát sinh được tính toán như sau:

$$C_{\text{VOCs}} = 22.500 / (725,7 \times 7) = 4,43 (\text{mg/m}^3)$$

$$\text{Nồng độ (mg/N.m}^3\text{)} = \text{Nồng độ (mg/m}^3\text{)} \times \frac{(273 + t)}{273} \text{ (với nhiệt độ } t = 30^\circ\text{C)}$$

$$\Rightarrow C_{\text{VOCs}} = 4,43 \times \frac{(273 + 30)}{273} = 4,92 (\text{mg/N.m}^3).$$

Bảng 17: Nồng độ hơi dung môi (hợp chất hữu cơ bay hơi - VOCs) phát sinh

Nồng độ hợp chất hữu cơ bay hơi VOCs	4,92 mg/Nm ³
So sánh với QCVN 20:2009/BTNMT	Etyl Acetate: 1.400 mg/Nm³ Cyclohexan: 1.300 mg/Nm³ Dimetylfomamit: 60 mg/Nm³ Metylacrylat: 35 mg/Nm³

Theo kết quả tính toán ở trên thì nồng độ hợp chất hữu cơ bay hơi (Etyl Acetate, Cyclohexan, Dimetylfomamit, Metylacrylat) không vượt QCVN 20:2009/BTNMT. Tuy nhiên, công nhân tiếp xúc thường xuyên theo thời gian dài sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe nếu không có biện pháp giảm thiểu hợp lý. Vì vậy, cần có biện pháp giảm thiểu lượng phát thải hơi dung môi từ công đoạn quét chất xử lý.

Tác động của hơi dung môi

Hơi dung môi phát sinh trong quá trình sản xuất của nhà máy, nếu không có biện pháp thu gom, xử lý hợp lý sẽ gây ra các tác động tiêu cực như sau:

+ Tác hại của Etyl Acetate: Khi dung dịch Butyl Acetate bắn vào thì mắt sẽ cay rồi tổn thương giác mạc, nhưng thường chỉ vài ngày sau thì lành.

+ Dimethyl formamide (DMF) là một hợp chất hóa học có hại cho sức khỏe. Tiếp xúc trực tiếp với chất hóa học này có thể gây mẩn ngứa, bong rộp da và khó thở nếu hít phải.

+ Phạm vi tác động: Hơi dung môi phát sinh tác động trực tiếp đến nhân viên làm việc tại dự án và có thể phát tán ra môi trường xung quanh, gây ảnh hưởng đến không gian lân cận.

Ngoài ra, đối với công đoạn quét keo để gắn kết các nguyên liệu làm tấm lót giày, dự án sử dụng nguyên liệu là keo dạng gốc nước thân thiện với môi trường và không độc hại, mùi dễ chịu không ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân trong quá trình làm việc. Keo gốc nước thân thiện với môi trường vẫn cho chất lượng bám dính cao, thời gian khô tương đối nhanh. Keo gốc nước không những tiết kiệm chi phí mà còn góp phần bảo vệ môi trường cũng như sức khỏe của công nhân làm việc.

2.2.4. Biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

❖ Ô nhiễm bụi, khí thải do phương tiện giao thông

- Nguồn phát sinh

Ô nhiễm bụi, khí thải do các phương tiện giao thông ra vào nhà máy như: xe tải, ô tô, xe gắn máy. Nhiên liệu sử dụng của các loại phương tiện trên chủ yếu là xăng, khi bị đốt cháy sẽ sinh ra khói thải chứa các chất gây ô nhiễm không khí. Thành phần các chất ô nhiễm trong khí thải trên chủ yếu là SO_x , NO_x , CO_x , aldehyde và bụi.

- Biện pháp giảm thiểu

Tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải từ các ô tô, mô-tô ra vào khu vực dự án là không lớn, hơn nữa lượng khí thải không tập trung vào cùng một thời điểm mà phân bố trong khoảng thời gian 24 giờ. Do vậy, ô nhiễm không khí do khí thải từ hoạt động giao thông được dự báo là nhỏ. Tuy vậy, chủ dự án vẫn cần có biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông để hạn chế làm ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh, cụ thể như sau:

- Bê tông hóa tuyến toàn bộ đường giao thông trong khu vực dự án.

- Bố trí tổ môi trường của Công ty vệ sinh đường giao thông nội bộ trong Nhà máy hàng ngày. Số lượng người làm công tác vệ sinh công nghiệp: 4 người

- Công ty bố trí người thực hiện công tác tưới nước khu vực sân đường nội bộ nhằm giảm lượng bụi trong không khí vào những ngày khô hanh, tần suất tưới là 1 lần/ngày. Công ty sử dụng các vòi dẫn nước để thực hiện việc tưới cây, rửa đường.

- Có chế độ điều tiết xe vận tải chở nguyên vật liệu, sản phẩm hợp lý để tránh hiện tượng tắc nghẽn giao thông tại các tuyến đường trong khu vực. Tất cả các xe, máy móc tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Xây dựng và bố trí cổng ra vào nhà máy rộng rãi, thông thoáng, không để tình trạng ùn tắc cục bộ khu vực cổng.

- Trồng cây xung quanh khu vực Nhà máy nhằm hạn chế phát tán bụi. Công ty sử dụng đất cho cây xanh (cây cảnh, cây lấy bóng mát) với tỷ lệ theo quy hoạch được duyệt.

2.3. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải rắn

Việc thu gom rác thải được thực hiện theo quy định của Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Dự án sẽ xây dựng 1 kho lưu trữ CTR (diện tích 4,5m²) chia làm 03 ngăn riêng biệt để lưu trữ tạm thời CTRSH, CTRYT, CTNH trước khi được đưa đi xử lý. Hoạt động thu gom, lưu trữ chất thải cụ thể như sau:

2.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

a. Nguồn phát sinh và tải lượng

Chất thải rắn sinh hoạt của dự án chủ yếu là giấy, vật liệu đóng gói, thùng carton, túi nilon, vật liệu bao gói thực phẩm ...và thức ăn thừa, giấy ăn...của CBCNV được xác định căn cứ vào:

- Lượng cán bộ công nhân viên của dự án: 50 người.
- Lượng chất thải rắn sinh hoạt trung bình là: 0,8kg/người/ngày (*Theo Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 09/04/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030*).

Như vậy tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong ngày sẽ là:

$$m_{\text{rác thải}} = 50 \text{ (người)} \times 0,8 \text{ (kg/người/ngày)} = 40 \text{ (kg/ngày)}$$

Chất thải rắn sinh hoạt với thành phần như trên có đặc tính chung là phân huỷ nhanh, trong điều kiện khí hậu nóng ẩm như tại khu vực Dự án thì rất dễ gây mùi hôi thối khó chịu.

b. Đối tượng bị tác động và mức độ tác động

Tác động đến môi trường đất và cảnh quan: Chất thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này khá lớn. Nếu không có biện pháp thu gom, xử lý là nguồn tác động đáng kể đến môi trường. Cụ thể các loại bao bì nilon, giấy loại, hộp nhựa, chai lọ, lon bia, thức ăn dư thừa, v.v... Nếu không có biện pháp thu gom hợp lý mà để vương vãi sẽ gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan. Mặt khác, các phế phẩm, thức ăn dư thừa sẽ phân huỷ thâm sâu vào lòng đất ảnh hưởng đến chất lượng môi trường đất và nước dưới đất.

Tác động đến môi trường không khí và sức khỏe con người: Chất thải sinh hoạt được tập trung tại khu vực kho chất thải rắn. Việc tập kết chất thải sinh hoạt là nguồn phát sinh mùi hôi và một số khí thải như CH₄, H₂S... gây ô nhiễm môi trường không khí, tác động đến cán bộ công nhân làm việc tại nhà máy. Tại khu vực tập kết rác thải sẽ là môi trường cho nhiều loại côn trùng và vi khuẩn phát triển, có thể là nguyên nhân lây lan dịch bệnh, ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

Nước rỉ rác phát sinh tại khu vực tập kết rác thải cũng góp phần làm ô nhiễm, môi trường không khí xung quanh và ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ công nhân viên tại nhà máy.

c. Biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Đặt các thùng chứa rác trong văn phòng và nghỉ ca và trong mỗi xưởng sản xuất. Số lượng thùng là khoảng 3-5 thùng, loại thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 50 - 240l/thùng.

Tổ chức công nhân thực hiện quét dọn vệ sinh cuối ngày, thu gom rác thải. Công ty bố trí 01 cán bộ công nhân vệ sinh để thực hiện công việc thu gom và dọn vệ sinh trong và ngoài xưởng sản xuất.

Công ty phối hợp với đơn vị môi trường địa phương tới thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt đúng theo quy định của Nhà nước. Tần suất thu gom 1-2 lần/ngày vào cuối mỗi ca làm việc.

Định kỳ hút bỏ bùn cặn bể phốt (6 tháng/lần) và đưa đi xử lý như chất thải rắn thông thường theo đúng quy định hiện hành.

2.3.2. Chất thải sản xuất thông thường

a. Nguồn phát sinh và tải lượng

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án gồm có:

- + Bao bì đã qua quá trình sử dụng và các bao bì lỗi hỏng.
- + Nguyên vật liệu dư thừa trong quá trình sản xuất: lượng nguyên liệu dư thừa phát sinh chủ yếu trong quá trình dập, cắt nguyên vật liệu bao gồm các loại vải, tấm EVA,...Tất cả những loại nguyên liệu này sẽ được loại bỏ và lưu trữ tại khu chất thải rắn sản xuất để đưa đi xử lý.

Tải lượng phát sinh

Trong giai đoạn hoạt động thương mại, xưởng sản xuất hoạt động với công suất 2 triệu sản phẩm/năm, lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh dự kiến như sau:

Bảng 4.7. Khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh giai đoạn vận hành (kg/tháng)

Nguyên vật liệu dư thừa	Bao bì đóng gói, thùng carton loại bỏ	Tổng cộng
100	40	140

Các loại chất thải này dễ thu gom, phân loại, lưu chứa và có biện pháp xử lý, không phát sinh ra môi trường nên mức độ tác động đến môi trường là không đáng kể.

b. Đánh giá tác động

Tác động đến cảnh quan, chiếm dụng mặt bằng: Chất thải rắn sản xuất phát sinh tại các khu vực nhà xưởng sản xuất của công ty. Tính chất của các loại chất thải này không nguy hại, dễ phân loại và thu gom. Các chất thải rắn sản xuất thông thường chiếm dụng mặt bằng trong quá trình lưu chứa, làm mất mỹ quan khu vực.

Nguy cơ cháy nổ: Các loại chất thải rắn sản xuất có một số loại là chất dễ cháy như bao bì sản phẩm, túi nilon. Do đó, quá trình tập kết có thể phát sinh sự cố cháy tại khu vực tập kết và cháy lan sang khu vực khác, gây hậu quả nghiêm trọng, gây ảnh hưởng đến hoạt động của nhà máy, thậm chí ảnh hưởng đến tính mạng con người.

c. Biện pháp xử lý chất thải rắn sản xuất thông thường

Đối với CTR từ quá trình sản xuất chủ yếu là phế liệu giấy da như các loại vải, tấm EVA dư thừa,... Các loại này sẽ được tập kết tại kho của công ty và định kỳ được đơn vị có chức năng đến thu gom đưa đi xử lý theo quy định. Công ty TNHH Phong Việt Việt Nam đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Quý Hòa về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp (phế liệu giấy da) ngày 01 tháng 06 năm 2021.

Kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 4,5 m², nền láng xi măng.



Hình 1: Khu vực lưu trữ chất thải rắn của công ty

2.3.3. Chất thải rắn nguy hại

c. Nguồn phát sinh và tải lượng

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn này có thể tồn tại các loại CTNH như bóng đèn huỳnh quang, mực in, giẻ lau dính dầu, chai lọ chứa hóa chất,... Các tác động của CTNH này như sau:

- Bóng đèn huỳnh quang vỡ, hỏng: Thủy ngân dạng lỏng có trong thành phần cấu tạo nên đèn huỳnh quang, ở nhiệt độ phòng hầu như không gây hại. Tuy nhiên, thủy ngân trong đèn huỳnh quang ở dạng hơi có thể đi vào cơ thể theo hô hấp hay đi qua da, từ đó được máu đưa về hệ thần kinh trung ương và các bộ phận của cơ thể và tích tụ ở đây. Hiện tượng tích tụ sinh học này, cùng một số hiện tượng khác là nguyên nhân gây ra tổn thương thần kinh và hô hấp cấp tính, gây suy thận.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ nhà máy chủ yếu là dầu thải động cơ, giẻ lau dính dầu, găng tay dính dầu, giẻ lau dính sơn, bóng đèn huỳnh quang, mực in, chai hóa chất

tẩy rửa. Nhóm chất thải này có khối lượng phát sinh ít, tuy nhiên nếu công ty không có biện pháp quản lý sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ công nhân viên và môi trường.

- Chất thải mực in từ hoạt động in ấn của văn phòng: Các loại mực chết hoặc mực dư trong quá trình in ấn sẽ bị thải bỏ theo nguồn nước thải. Tuy nhiên, trong mực in lại chứa nhiều kim loại nặng như chì, thủy ngân, khi đi vào nước thải nhưng không được xử lý đúng cách sẽ gây những tác hại khôn lường đến sức khỏe.

- Các loại pin như pin đồng hồ, pin điều khiển, linh kiện điện tử từ máy vi tính, máy in.

- Vỏ chai lọ đựng hóa chất, dung dịch vệ sinh nhà xưởng, bồn cầu...

Từ các dự án tương tự, có thể dự kiến khối lượng chất thải nguy hại của dự án trong giai đoạn hoạt động thương mại như sau:

Bảng 4.8. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành

STT	Nguồn chất thải	Đơn vị	Khối lượng phát sinh/năm	Hoạt động phát sinh	Mã chất thải nguy hại
1	Vỏ hộp mực in thải	Kg	1,25	Hoạt động văn phòng	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg	2,25	Hoạt động chiếu sáng	16 01 06
3	Can, thùng có chứa thành phần nguy hại	Kg	18,75	Từ hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm	18 01 01
4	Giẻ lau dính dầu mỡ	Kg	15	Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị	18 02 01
5	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Kg	30	Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị	17 02 03
6	Pin thải	Kg	1,5	Thiết bị có sử dụng pin	16 01 12
7	Vỏ chai lọ đựng hóa chất	Kg	11,25	Từ hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm	18 01 04
8	Tro đáy lò hơi	Kg	12	Phát sinh từ hoạt động đốt lò hơi	04 02 01
	Tổng	Kg	69,75		

(Ghi chú: Thông số khối lượng CTNH phát sinh được tham chiếu dựa trên kết quả tổng hợp được từ những dự án tương tự)

d. **Đánh giá tác động**

Chất thải nguy hại chứa các chất và hợp chất có các đặc tính gây nguy hại trực tiếp như: dễ cháy, dễ nổ, khó phân hủy,... và có thể tương tác với các chất khác gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe con người. Chất thải nguy hại thường có đặc tính là tồn tại lâu trong môi trường và khó phân hủy, có khả năng tích lũy sinh học trong các nguồn nước, mô mỡ của động vật gây ra hàng loạt các bệnh nguy hiểm đối với con người, phổ biến nhất là bệnh ung thư. Do đó, nếu không được thu gom và xử lý đúng theo quy định trước khi thải bỏ sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường.

e. **Giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại**

Trang bị thùng chứa rác thải nguy hại tại mỗi xưởng. Mỗi thùng có dung tích 120 lit, làm bằng nhựa HDPE, màu da cam. Trên mỗi thùng có kí hiệu cảnh báo nguy hiểm, hình ảnh và tên các loại chất thải nguy hại. Tổng số thùng chứa rác thải nguy hại của dự kiến là 2 thùng.



Bổ trí 01 công nhân có trách nhiệm thu gom chất thải nguy hại từ các khu vực phát sinh vào khu chứa chất thải nguy hại với tần suất 1-2 lần/tuần và tần suất thu gom đưa đi xử lý là 6 tháng/lần. Công nhân thu gom chất thải nguy hại của được trang bị bảo hộ lao động.



Thùng chứa được dán nhãn chất thải nguy hại, dán biển cảnh báo.

Công ty ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực tới thu gom và xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Công ty và đơn vị vận chuyển thiết lập sổ bàn giao và định kỳ đơn vị thu gom sẽ xuất chứng từ cho Chủ đầu tư.

Bảng 4.9. Dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại tại kho chứa

Ý nghĩa	Vị trí cảnh báo	Loại biển
Cảnh báo về khu vực có chất thải nguy hại	- Tại kho chứa chất thải nguy hại của Công ty	
Cảnh báo chung về sự nguy hiểm của chất thải nguy hại	- Tại kho chứa chất thải nguy hại của Công ty	 Chất thải nguy hại

Ý nghĩa	Vị trí cảnh báo	Loại biển
Cảnh báo chất thải là chất lỏng dễ cháy.	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các khu chứa dầu thải. - Trên thùng chứa dầu thải. 	 <p>Chất lỏng dễ cháy</p>
Cảnh báo về các chất có chứa thành phần gây độc hại cho hệ sinh thái.	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các khu vực chứa các chất thải nguy hại của Dự án. - Thùng chứa chất thải nguy hại. 	 <p>Độc cho hệ sinh thái</p>

Công ty cam kết sẽ quản lý chất thải theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a. Nguồn phát sinh

Tiếng ồn, độ rung gây ra chủ yếu do các nguồn sau:

+ Hoạt động của xe gắn máy, xe ô tô ra vào dự án: hoạt động của các phương tiện giao thông vận chuyển của hành khách ra vào dự án. Mức độ ồn tỉ lệ thuận với số lượng xe ra vào dự án.

+ Hoạt động của dây truyền sản xuất: trong quá trình sản xuất, tiếng ồn phát sinh do hoạt động của các thiết bị, máy móc của dây truyền sản xuất như các máy đập, máy cắt, băng truyền, máy nén khí. Mặc dù nhà máy sử dụng dây truyền công nghệ đồng bộ và tiên tiến nhưng vẫn sẽ phát sinh ra tiếng ồn với tần số cao ở các vị trí như máy cắt, băng truyền, máy nén khí có thể lên tới 70 – 80 dBA.

+ Rung động: rung động cũng là vấn đề đang quan tâm, tuy nhiên, đối với khu vực dự án thì độ rung là không lớn do hệ thống máy móc thiết bị có mức rung nhỏ và quá trình lắp đặt thiết bị sẽ áp dụng các biện pháp giảm rung, và bảo dưỡng định kỳ.

Tiếng ồn ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương, đến hệ tim mạch và các cơ quan thính giác. Cơ quan thính giác: nếu tác động của tiếng ồn kéo dài gây giảm thính lực, gây mệt mỏi thính giác làm mất khả năng phục hồi và phát triển biến đổi bệnh lý. Do đó cần có các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

b. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung từ hoạt động sản xuất

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- + Gia cố móng/bệ máy và lắp đặt các bệ chống rung cho các thiết bị rung, ồn lớn.
- + Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt.

- + Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng hướng dẫn và đúng quy trình của nhà sản xuất.
- + Kiểm tra định kỳ mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.
- + Nhà xưởng được xây dựng cao, rộng, thiết bị được đặt với khoảng cách hợp lý tránh hiện tượng cộng hưởng của tiếng ồn.
- + Đối với những công nhân làm việc ở khu vực có tiếng ồn lớn sẽ được trang bị thiết bị chống ồn cho công nhân lao động: Công nhân vận hành trực tiếp được trang bị quần áo bảo hộ lao động, dụng cụ cách âm, bố trí thời gian làm việc xen kẽ để đảm bảo sức khỏe và hiệu quả công việc. Kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân (mũ, chụp bịt tai, găng tay, ủng, quần áo lao động).
- + Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên dự án đảm bảo với thiết kế xây dựng để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh. Sử dụng các loại cây có tán rộng, phát triển nhanh và thích nghi tốt với điều kiện tại khu vực.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

2.5.1. Phương án phòng cháy chữa cháy

- Các máy móc thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao phải có hồ sơ lý lịch rõ ràng và thực hiện nghiêm ngặt các chế độ kiểm tra định kỳ. Các thiết bị làm việc trong điều kiện áp suất cao phải được trang bị đầy đủ các đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất và các thiết bị an toàn khác. Các thiết bị điện được duy trì ở điều kiện an toàn, ngăn ngừa khả năng phát tia lửa điện của các thiết bị, dụng cụ điện ở các khu vực gây nguy hiểm.
- Thành lập đội phòng chống cháy. Trang bị các phương tiện PCCC như bình chữa cháy, bể nước dự trữ chống cháy... xây dựng nội quy PCCC.
- Các loại nhiên liệu dễ cháy được bảo quản, cất chứa xa nơi các nguồn dễ gây cháy nổ như nhà bếp, trạm biến điện...
- Lắp đặt hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của nhà xưởng như nóc nhà, ống khói lò đốt.
- Công nhân hoặc cán bộ vận hành sẽ được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật.
- Tiến hành sửa chữa định kỳ. Trong trường hợp có sự cố công nhân vận hành sẽ được hướng dẫn và xử lý theo đúng quy tắc an toàn.
- Tổ chức thường xuyên các đợt tập dượt chữa cháy cho công nhân.

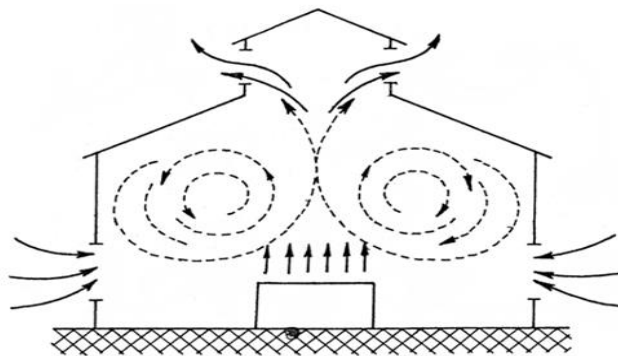
2.5.2. Giảm thiểu nguồn nhiệt dư và các yếu tố vi khí hậu trong nhà xưởng

- Yếu tố vi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của cán bộ, công nhân viên làm việc trong nhà xưởng. Để giảm thiểu những ảnh hưởng này, Công ty đã áp dụng các phương án sau đây:

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, đặc biệt là hệ thống ở các thiết bị có phát sinh nhiệt để hạn chế tối đa lượng nhiệt thất thoát ra bên ngoài.

- Ngoài ra, Công ty áp dụng phương pháp thông thoáng nhà xưởng tự nhiên, lợi dụng sự chênh lệch về nhiệt độ, áp suất và gió giữa bên ngoài và bên trong nhà xưởng để điều hòa, trao đổi không khí giữa bên trong và bên ngoài nhà xưởng, nhằm cải thiện điều kiện làm việc của công nhân tại các phân xưởng sản xuất giúp giảm nhanh nồng độ các chất ô nhiễm trong khu vực sản xuất.

Nguyên lý hoạt động của phương pháp thông gió tự nhiên được mô tả trong hình sau:



Hình 2: Thông thoáng nhà xưởng tự nhiên

2.5.3. Bảo đảm an toàn hóa chất

Do trong quá trình hoạt động của nhà xưởng, xưởng sản xuất phải sử dụng hóa chất cho sản xuất, đặc biệt là keo dán sản phẩm, hóa chất xử lý,... nên bắt buộc phải áp dụng các biện pháp bảo quản hóa chất nghiêm ngặt, tránh để thất thoát, gây lãng phí và ô nhiễm môi trường.

Các biện pháp sau sẽ được áp dụng:

- Toàn bộ vỏ thùng, phi... đựng keo và hóa chất xử lý sẽ được trả lại nhà cung cấp;
- Xây dựng kho riêng để chứa đựng các hóa chất (kho này được bố trí trong xưởng sản xuất tại một vị trí riêng biệt và được ngăn cách với các khu vực xung quanh). Mỗi loại hóa chất sẽ được xếp riêng từng loại để dễ kiểm soát;
- Bảo quản hóa chất theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất về nhiệt độ, độ ẩm và các yếu tố khác có liên quan;
- Nghiêm cấm những người không có nhiệm vụ đến gần hoặc vào khu vực đựng hóa chất;
- Lập sổ theo dõi tình hình quản lý và sử dụng hóa chất trong nhà máy;

- Thực hiện các quy định khác theo đúng Luật An toàn Hóa chất.
- Các biện pháp quản lý sự cố:
 - + Đánh giá rủi ro: xem xét các nguy cơ tiềm năng và dự đoán những sự cố có thể xảy ra trong từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể;
 - + Áp dụng các biện pháp kỹ thuật để hạn chế và giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro;
 - + Lập kế hoạch ứng cứu trong trường hợp có sự cố để bảo vệ con người, môi trường và tài sản;
 - + Lập kế hoạch mua sắm trang thiết bị ứng cứu và thiết bị an toàn, trang bị chu đáo cho những nơi có khả năng xảy ra sự cố;
 - + Tổ chức tốt công tác huấn luyện cho những người làm công tác ứng cứu sự cố.
- Định kỳ 01 tháng/lần sẽ kiểm tra tình hình thực hiện quy định về quản lý hóa chất.

Trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ, cháy nổ... kho hóa chất, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Kế hoạch ứng cứu sự cố: Kế hoạch ứng cứu sự cố là một hệ thống hoàn chỉnh các công việc cần thiết phải thực hiện, trách nhiệm được giao và con người có liên quan, việc bảo quản và sử dụng các máy móc thiết bị ứng cứu nhằm tránh tình trạng bị động, lúng túng khi sự cố xảy ra. Nội dung kế hoạch ứng cứu gồm:

+ Xác định sự cố và vị trí có thể xảy ra: Cần xác định các khu vực, vị trí có khả năng xảy ra sự cố; nguyên nhân gây nên sự cố, ước lượng mức độ nguy hiểm của sự cố đối với con người và môi trường;

+ Đảm bảo thông tin liên lạc: Đầu tư các thiết bị trong hệ thống thông tin để rút ngắn thời gian truyền tin khi có sự cố. Đối với hệ thống liên lạc nội bộ, cần phải có người thường xuyên túc trực để thông báo kịp đến các đơn vị khác trong nhà xưởng hay khu vực sản xuất. Kênh liên lạc ra bên ngoài cũng phải đảm bảo thông suốt liên tục để gọi lực lượng cứu hộ, chuyên nghiệp cũng như kịp thời xin ý kiến chỉ đạo;

+ Phân công trách nhiệm: Trong kế hoạch ứng cứu sự cố, cần phải phân công rõ nhiệm vụ của mỗi người lao động theo thứ bậc rõ ràng; có người thừa hành, người ra quyết định;

+ Bảo trì thiết bị ứng cứu: Hệ thống thiết bị ứng cứu phải được thường xuyên bảo trì và bổ sung thêm cho đầy đủ cơ sở theo qui định. Công tác bảo trì có thể thực hiện theo định kỳ, hàng tháng hay hàng quý nhưng không nên để quá lâu cho đến hàng năm, có thể chỉ lau chùi và vô dầu mỡ, có khi phải vận hành thử, xem xét hoạt động của thiết bị còn tốt hay không, đo lại các thông số kỹ thuật và điều chỉnh cho đúng tiêu chuẩn qui định;

+ Quy trình ứng cứu: Quy trình ứng cứu là trình tự các công việc phải làm khi sự cố xảy ra. Quy trình này được xây dựng dựa trên nguyên tắc cứu hộ cho con người rồi mới đến môi trường và tài sản: cứu hộ ở các vị trí sản xuất chính trước khu vực sản xuất phụ trợ, cứu hộ hồ sơ sổ sách trước nhà xưởng...;

+ Huấn luyện và đào tạo:

- Cần phải tổ chức các lớp tập huấn thường xuyên cho công nhân trong Đội ứng cứu - thoát hiểm;
 - Trong thiết kế, hướng dẫn vận hành hệ thống trong nhà máy cũng như ở môi trường sinh hoạt của khu dân cư đều phải có vạch trước các đường thoát hiểm;
 - Đường thoát hiểm được vẽ sẵn trên sơ đồ và có bảng chỉ dẫn đến lối thoát;
 - Hệ thống thang, đường thoát hiểm phải được chuẩn bị đầy đủ và kiểm tra sửa chữa, duy tu thường xuyên;
 - Nội dung cụ thể của thao tác thoát hiểm sẽ được tập huấn cho từng thành viên làm việc hay sinh sống ở đó;
 - Trong các khu vực lưu trữ, sử dụng và sản xuất chất nguy hại càng cần phải có phương tiện cứu sinh và thoát hiểm. Cửa và cầu thang thoát hiểm phải được mở thường xuyên trong thời gian nhà máy hoạt động;
 - Trong công tác cứu hộ, phải ưu tiên cứu người trước rồi mới đến tài sản. Do vậy, tại các cửa thoát hiểm cần phải có thông báo cụ thể để nhắc nhở mọi người bình tĩnh, thực hiện đúng nguyên tắc thoát hiểm, tránh tình trạng tranh giành lối thoát hiểm để vận chuyển tài sản. Thoát theo thứ tự ưu tiên, không gây tắc nghẽn hệ thống thoát hiểm.
- Ứng cứu khẩn cấp và vệ sinh sau sự cố: Khi sự cố xảy ra, mọi hành động ứng cứu được thực hiện dựa trên nguyên tắc hàng đầu là bảo vệ tính mạng con người và cộng đồng dân cư, tiếp theo là BVMT, cuối cùng mới là bảo vệ thiệt hại về tài sản.

2.5.4. Phương án phòng, chống và sơ cấp cứu người khi xảy ra TNLD

- Để hạn chế xảy ra TNLD trong quá trình hoạt động, nhà máy cần thực hiện các biện pháp sau:
- + Thiết lập tổ y tế túc trực tại cơ sở;
 - + Thường xuyên tổ chức diễn tập cho các tình huống xảy ra sự cố TNLD;
 - + Lưu giữ địa chỉ, điện thoại của tổ chức y tế gần nhất. Các địa chỉ, số điện thoại này cần được bố trí tại nhiều nơi để kịp thời phục vụ khi xảy ra sự cố lao động;
 - + Phối hợp với ngành y tế để xây dựng quy trình sơ cấp cứu ban đầu khi xảy ra sự cố TNLD trong mọi tình huống. Các nhân viên y tế phải thường xuyên được tập luyện, diễn tập và đảm bảo thành thạo các quy trình này.

2.5.5. Phương án ứng phó khi xảy ra sự cố tai nạn giao thông

- Nhanh chóng tổ chức, huy động mọi lực lượng cần thiết để cứu người;
- Cắm các biển báo hiệu cần thiết để thông báo cho các phương tiện khu vực xảy ra sự cố tai nạn giao thông;
- Thông báo cho các cơ quan QLNN theo quy định để tổ chức hướng dẫn và giám sát quá trình ứng cứu sự cố khi xảy ra tai nạn giao thông.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và kinh phí công trình xử lý môi trường của dự án

Kinh phí đầu tư xây dựng bổ sung các công trình quản lý và xử lý môi trường trong giai đoạn lắp đặt thiết bị, máy móc và kinh phí duy trì hàng năm trong giai đoạn hoạt động ổn định của dự án được liệt kê như sau:

Bảng 18: Dự toán kinh phí các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Stt	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Giai đoạn chuẩn lắp đặt thiết bị, máy móc			
1	Thùng chứa chất thải	2	500.000	1.000.000
2	Bảo hộ lao động	50	200.000	10.000.000
II	Giai đoạn vận hành			
1	Công trình kho chứa chất thải rắn sản xuất	1	50.000.000	50.000.000
2	Công trình lưu giữ CTNH	1	30.000.000	30.000.000
3	Quan trắc môi trường định kỳ	4	10.000.000	10.000.000
	Tổng cộng I+II			101.000.000

Kinh phí trên là chi phí tính tạm đầu tư ban đầu cho công tác bảo vệ môi trường, kinh phí trong giai đoạn vận hành được tính cho 1 năm hoạt động, và được duy trì hoạt động bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

3.2. Kế hoạch xây lắp công trình và kế hoạch tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Tổng thời gian thi công và lắp đặt bổ sung các hạng mục xử lý môi trường là: Từ tháng 12/2022 đến tháng 1/2023.

Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác như phòng chống cháy nổ, an toàn hóa chất, an toàn lao động...được thực hiện ngay từ quá trình vận hành thử nghiệm của dự án.

Chủ đầu tư sẽ trực tiếp quản lý dự án. Đồng thời sẽ đưa ra các nội quy về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động và cam kết tuân thủ nghiêm túc các nội quy đưa ra. Chủ dự án sẽ bố trí từ 1- 2 cán bộ kỹ thuật đảm nhận phụ trách theo dõi các công tác bảo vệ môi trường và an toàn lao động tại dự án.

Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước để giám sát việc tuân thủ các quy định về môi trường.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

4.1. Về mức độ chi tiết của các đánh giá

- Đánh giá tác động tới môi trường của dự án tuân thủ theo trình tự:
- + Xác định và định lượng nguồn gây tác động theo từng hoạt động gây tác động của dự án.
- + Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động.
- + Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gây tác động, quy mô không gian, thời gian và tính nhạy cảm của các đối tượng chịu tác động.

Các đánh giá về các tác động của dự án là khá chi tiết và cụ thể. Cũng chính vì vậy mà trên cơ sở các đánh giá, dự án đã đề ra được các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó với các sự cố môi trường một cách khả thi.

4.2. Về độ tin cậy của các đánh giá

Các đánh giá sử dụng trong báo đề xuất cấp giấy phép môi trường này đều dựa theo các tài liệu có tính pháp lý, có tính khoa học và độ chính xác cao. Việc đánh giá về các nguồn thải đều dựa theo các số liệu tính toán từ thực tế dự án, các tài liệu quy chuẩn về định mức nguồn thải như WHO, QCVN, TCVN . Các công thức sử dụng trong tính toán đều được các chuyên gia của Việt Nam và Thế giới về các lĩnh vực chuyên ngành đưa ra từ các công trình nghiên cứu, thực nghiệm. Tuy nhiên, một số các đánh giá khác đang ở mức dự báo, vì vậy trong quá trình đi vào hoạt động từ các số liệu quan trắc được cập nhật, những dự báo này sẽ cần được điều chỉnh cho sát với thực tế hơn.

Các dự báo, đánh giá nêu trong báo cáo là những dự báo, đánh giá khả năng xảy ra lớn nhất và gây tác động đến môi trường lớn nhất để làm căn cứ đề xuất các biện pháp giảm thiểu.

Các kết quả tính toán về tổng lượng, tải lượng các loại chất thải phát sinh đều dựa vào các quy định đã được áp dụng nhiều trong lĩnh vực, dựa vào tính toán thực tế nên có độ chính xác, tin cậy cao.

Về các rủi ro, sự cố đang mang tính dự báo, các dự báo được đánh giá là lớn hơn mức có thể xảy ra.

- Về các tài liệu sử dụng trong báo cáo: Tất cả các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo trên đều được tham chiếu từ các tư liệu chính thống đã và đang được áp dụng tại Việt Nam. Các sách giáo khoa, giáo trình đang được sử dụng làm tài liệu giảng dạy và tham khảo tại các trường Đại học như Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Xây dựng,... Các tài liệu, dữ liệu thống kê về tình hình kinh tế - xã hội khu vực dự án được cơ quan chính quyền cung cấp nên kết quả cũng đáng tin cậy.

- Về nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường:

+ Thực hiện đầy đủ theo hướng dẫn của nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường năm 2022.

+ Nêu được chi tiết và đánh giá đầy đủ về các tác động môi trường, các rủi ro về sự cố môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình hoạt động của Dự án.

CHƯƠNG V.

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh từ nguồn sau: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên.
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống công thoát nước chung của thị trấn Me.
- Vị trí xả nước thải: nguồn nước tiếp nhận nước thải nằm phía trước cổng Công ty trên đường ĐT477B.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰) như sau: X= 2250521.2 ; Y= 587547.6
- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 3 m³/ngày.đêm.
- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý của dự án xả ra hồ chứa nước theo phương thức tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: xả liên tục (24 giờ).
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 19: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột B) K=1,2
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60
3	Tổng rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU//100ml	5000

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

a. Nguồn phát sinh:

- Từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy: đây là nguồn không liên tục, thông thường thời điểm phát sinh tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển khi nhà máy nhập, xuất hàng tập trung.

- Từ các máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất như các động cơ của máy, xe nâng... Các nguồn này thường mang tính cục bộ, ảnh hưởng đến lao động vận hành trực tiếp.

b. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: Độ ồn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường).

Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
Khu vực thông thường	70dBA	55 dBA

- Giá trị giới hạn đối với độ rung: Độ rung cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (áp dụng đối với khu vực thông thường).

Giới hạn tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
Khu vực thông thường	70dBA	60 dBA

CHƯƠNG VI.

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

1.1.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

* Tổng hợp danh mục các công trình xử lý nước thải của dự án

Bảng 20: Danh mục các hạng mục hệ thống xử lý nước thải

tt	Hạng mục	Thiết kế
	Bể tự hoại 3 ngăn	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 01 bể; - Thiết kế: 03 ngăn - Diện tích xây dựng: dài x rộng = 2,5m x 1,5 m=3,75 m² - Thể tích hiệu dụng V_{hd} (m³)= 7,5 - Xây bằng gạch, trát xi măng, chống thấm. - Công dụng: Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

* Công suất xử lý nước thải: 3m³/ngày.đêm.

* Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm là: 03 ngày (Căn cứ khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP)

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: khi nhà máy bắt đầu các hoạt động sản xuất (thời gian dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm từ tháng 2/2023).

- Thời gian kết thúc: 03 ngày sau kể từ thời điểm bắt đầu hoạt động

- Công suất dự kiến đạt được là hiệu quả 100%.

* Hóa chất dự kiến sử dụng: Không

* Quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau khi xử lý:

Bảng 21: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột B) K=1,2
1	pH	-	5-9

2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60
3	Tổng rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU//100ml	5000

Ghi chú:

+ QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

+ Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Căn cứ vào Khoản 6 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định về quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án, cơ sở. Đối với dự án không thuộc trường hợp tại Khoản 4 Điều này, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn hoạt động ổn định các công trình xử lý nước thải. Để đảm bảo có số liệu lên Báo cáo công tác BVMT hàng năm gửi về cơ quan quản lý nhà nước cũng như tiện theo dõi đảm bảo quá trình hoạt động của các công trình BVMT, Công ty có kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải như sau:

1.2.2. Quan trắc đối với công trình xử lý nước thải

- Thời gian thực hiện: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc lấy và phân tích mẫu đơn đối với 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong vòng 03 ngày liên tiếp).
- Thời gian lấy mẫu: Tính từ ngày nhà máy đi vào hoạt động chính thức

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, TSS, SO₄²⁻, tổng N, Amoni, tổng P, dầu mỡ, coliform.
- Loại mẫu: Mẫu đơn
- Vị trí lấy mẫu:
- Tại điểm xả thải ra hệ thống công thoát nước chung của Thị trấn Me.
- Quy chuẩn so sánh: So sánh với Cột B, QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

1.2.3. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ theo điều 111 và điều 112 của Luật bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.

Căn cứ theo điều 97, điều 98 của nghị định số 08/2022/NĐ-CP của chính phủ ngày 10/1/2022 thì lưu lượng xả thải đề nghị cấp phép (lưu lượng nước thải) không thuộc trường hợp phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, định kỳ theo quy định của Nghị định cụ thể như sau:

Quan trắc nước thải: Căn cứ theo mục 2 điều 97 và phụ lục số XXVIII ban hành kèm theo nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì với lưu lượng xả nước thải tối đa của nhà máy là 3m³/ngày đêm < 500 m³/ngày đêm, do đó không thuộc trường hợp phải thực hiện quan trắc tự động, quan trắc định kỳ nước thải.

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Phong Việt Việt Nam cam kết về các nội dung sau:

- CĐT cam kết không sản xuất các loại phụ kiện giấy da nào khác mà chỉ sản xuất tấm lót giày.

- Các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường là chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nhằm bảo đảm đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
3. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến Dự án;
4. Khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động của dự án gây nên;
5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân trong quá trình thi công xây dựng và khi đi vào hoạt động;
6. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra và báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường;
7. Nếu để xảy ra sự cố môi trường sẽ thực hiện các biện pháp sau để xử lý:
 - Điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường;
 - Tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng;
 - Thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác;
 - Chịu mọi trách nhiệm về hậu quả đối với cộng đồng khu vực xung quanh nếu để xảy ra sự cố môi trường.
8. Tuân thủ các tiêu chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện Dự án:
 - Môi trường không khí
 - + Môi trường khí thải trong giai đoạn vận hành đảm bảo QCVN 19:2009

/BTNMT cột B với hệ số $K_p = 1$ và $K_v = 1$; QCVN 20:2009/BTNMT cột B.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ Tiếng ồn, độ rung phát ra từ các thiết bị trong quá trình thực hiện dự án sẽ đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc : 10/2019/TT-BYT; QCVN 03:2019/BYT;

- Nước thải:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt với hệ số $K = 1,2$.

+ Nước thải sinh hoạt khi dự án đi vào hoạt động thải ra nằm trong giới hạn ở cột B của QCVN 14:2008/BTNMT

- Chất thải rắn:

+ Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo hướng dẫn tại nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

+ Chất thải nguy hại sẽ được thu gom xử lý và đăng ký chủ nguồn thải theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

9. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu ra ở Chương VI sẽ được thực hiện nghiêm túc.

10. Các công trình xử lý môi trường trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn đi vào hoạt động được làm đầy đủ, đảm bảo chất lượng.

PHỤ LỤC I:
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2700926671

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 03 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHONG VIỆT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Phố Me, Thị trấn Me, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0973922689

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

2.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: MAI CÔNG TÀI

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 09/05/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 171882836

Ngày cấp: 18/02/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: SN 50, Ngách 01/245, Đường Nguyễn Công Trứ, Phố Ngọc Xuân, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: SN 50, Ngách 01/245, Đường Nguyễn Công Trứ, Phố Ngọc Xuân, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: MAI CÔNG TÀI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/05/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 171882836

Ngày cấp: 18/02/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: SN 50, Ngách 01/245, Đường Nguyễn Công Trứ, Phố Ngọc Xuân, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: SN 50, Ngách 01/245, Đường Nguyễn Công Trứ, Phố Ngọc Xuân, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Thị Thu Hiền



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Hôm nay, ngày 25 tháng 03 năm 2021, tại Trụ sở Văn Phòng Công Chứng Đức Trí, địa chỉ: Số 9, đường Lê Hồng Phong, Phường Vân Giang, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Hợp đồng này được lập giữa:

BÊN CHO THUÊ (sau đây gọi là bên A):

Ông: **Nguyễn Văn Thanh**, Sinh Năm 1970

Số CCCD số: 037070000673 ; Ngày cấp : 08/08/2016 tại Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư.

Hộ khẩu thường trú tại : Phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

Và vợ là: bà **Nguyễn Thị Hoa**, sinh năm 1973

Số CCCD: 037173000593; Ngày cấp : 08/08/2016 tại Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư.

Hộ khẩu thường trú tại: Phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

Chủ tài khoản: **Nguyễn Văn Thanh**

Tài khoản số: 103000303432, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, CN tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại : 0912351828

BÊN THUÊ (sau đây gọi là bên B):

CÔNG TY TNHH PHONG VIỆT VIỆT NAM

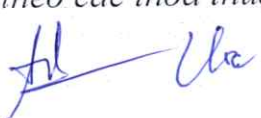

- Địa chỉ trụ sở : Phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2700926671 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 19 tháng 03 năm 2021

Người đại diện: Ông: **Mai Công Tài** Chức vụ: Giám đốc.

MST: 2700926671

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo các thỏa thuận sau đây:



Điều 1. Đối tượng của hợp đồng

Bên A cho bên B thuê toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại:
Thửa đất số: 1299; Tờ bản đồ: 12

- Diện tích: 1177 m². (Bằng chữ: một nghìn một trăm bảy mươi bảy mét vuông).

- Địa chỉ thửa đất: Phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

- Hình thức sử dụng riêng : 1177m² ; Chung: 1177m²

- Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị

- Thời hạn sử dụng: Lâu dài

- Nguồn gốc sử dụng:

Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 1177 m².

Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 1177 m².

* Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sêri số BD356954, số vào sổ cấp GCN: H00345 do Ủy Ban Nhân Dân huyện Gia Viễn cấp; Cấp ngày 19/04/2011

* Hai bên cam kết tài sản gắn liền với đất gồm:


- Nhà xưởng, kho bãi gắn liền với đất (có Phụ lục kèm theo).

- Tài sản gắn liền với đất sẽ được 2 bên ký bằng biên bản giao nhận cụ thể sau khi hợp đồng có hiệu lực. Biên bản bàn giao các tài sản gắn liền với đất là một phần không thể tách rời hợp đồng này.

Điều 2. Thời hạn thuê

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là 10 (năm) năm kể từ ngày 15/04/2021 đến hết ngày 14/04/2031.

Điều 3. Mục đích thuê .

Mục đích cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là : Gia công sản xuất kinh doanh phụ kiện giày dép da (theo Giấy phép kinh doanh) 2700926671 



Điều 4. Giá cả và phương thức thanh toán :

1. Giá thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chưa bao gồm thuế GTGT nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: 60.000.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng một tháng)

2. Phương thức thanh toán như sau:

- Bên B sẽ trả trước cho bên A tiền thuê đất và tài sản gắn liền với đất theo từng năm một. Thanh toán vào ngày 15 tháng 04 của năm kế tiếp.
- Bên A có trách nhiệm cung cấp hóa đơn tài chính cho bên B theo từng năm một bằng số tiền mà bên B thanh toán hàng năm. (Tiền thuế, phí do bên B chịu trách nhiệm)
- Sau 03 năm tức là từ ngày 15/4/2024 đến hết ngày 14/4/2027 thì giá thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tăng 10% tương đương với 66.000.000đ/1tháng (chưa bao gồm thuế GTGT). Và 04 năm tiếp theo tức là từ ngày 15/04/2027 đến hết ngày 14/04/2031 cũng tăng 10% tương đương với 72.600.000 đ/1 tháng (chưa bao gồm thuế GTGT). Nếu hợp đồng hết hạn và bên B không tiếp tục thuê đất và tài sản gắn liền với đất, tiền thuê năm thứ 10 sẽ không được điều chỉnh.
- Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản do bên A cung cấp trong hợp đồng, số tiền thanh toán theo quy định tại điều 1.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên A .

1. Bên A có các quyền sau đây:

- a) Yêu cầu bên B nhận nhà xưởng, kho bãi theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- b) Yêu cầu bên B thanh toán đủ tiền theo thời hạn và phương thức thỏa thuận trong hợp đồng không được chậm quá 10 (mười ngày) nếu chậm quá so với thỏa thuận bên B sẽ phải chịu lãi xuất gấp 3 lần lãi xuất tiền gửi tiết kiệm Việt Nam Đồng của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) công bố tại ngày xác định lãi suất, thời hạn 12 tháng trả lãi cuối kì.;
- c) Yêu cầu bên B bảo quản, sử dụng nhà xưởng, kho bãi theo thỏa thuận trong hợp đồng;

- d) Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại hoặc sửa chữa phần hư hỏng do lỗi của bên B gây ra;
- e) Cải tạo, nâng cấp nhà xưởng, kho bãi cho thuê khi được bên A đồng ý;
- g) Nếu bên B đơn phương chấm dứt việc thực hiện hợp đồng trước thời hạn 3 năm tức trước ngày 15/04/2024 thì bên B phải thông báo trước cho bên A bằng văn bản ít nhất 01 tháng đồng thời phải bồi thường cho bên A số tiền là một năm tiền thuê nhà (tương đương 720.000.000đ) ;
- Nếu bên B chấm dứt hợp đồng trước thời hạn 6 năm tức là trước ngày 14/04/2027 thì bên B phải thông báo trước 01 (một) tháng đồng thời phải bồi thường cho bên A 60% giá trị tiền thuê nhà một năm (tương đương 475.200.000đ) giá trị thuê nhà bằng chữ (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng);
 - Nếu bên B chấm dứt hợp đồng trước thời hạn 9 năm tức là trước ngày 14/04/2030 thì bên B phải báo trước cho bên A ít nhất 15 ngày đồng thời phải bồi thường cho bên A 30% (tương đương 261.360.000đ) giá trị thuê nhà bằng chữ :(Hai trăm sáu mươi triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).
 - Ngoài ra số tiền mà bên B đã trả trước cho việc thuê đất và tài sản gắn liền với đất cho bên A bên B sẽ không được nhận lại.
 - Sau ngày 16/04/2030 nếu một trong hai bên không còn muốn cho thuê hoặc thuê thì phải báo trước cho nhau ít nhất 03 (ba) tháng
- h) Yêu cầu bên B giao lại nhà xưởng, kho bãi khi hết hạn thuê;
- i) Các quyền khác trong hợp đồng.

2. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Giao nhà xưởng, kho bãi cho bên B theo thỏa thuận trong hợp đồng và hướng dẫn bên B sử dụng nhà xưởng, kho bãi theo đúng công năng, thiết kế;
- b) Giao cho bên B sử dụng toàn bộ nhà xưởng, kho bãi trong thời hạn thuê;
- c) Phần mái nếu dột hoặc hư hỏng, bên A chịu trách nhiệm sửa chữa trong suốt thời gian bên B thuê. (Khi nhận được thông báo từ bên B về việc phần mái bị dột hoặc hư hỏng ngay lập tức bên A phải cho người sửa chữa cải tạo nhưng không làm ảnh hưởng đến việc gia công sản xuất của bên B).
- d) Không được đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bên B thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng, trừ trường hợp được bên B đồng ý chấm dứt hợp đồng ;



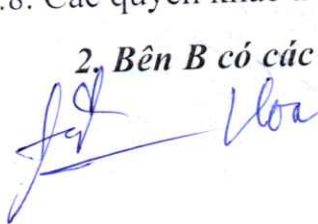
- e) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra;
- g) Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật (thuế đất hàng năm). ..
- h) Hỗ trợ bên B làm các thủ tục pháp lý liên quan đến nhà xưởng trong quá trình thuê xưởng;
- i) Bàn giao các giấy tờ liên quan đến việc bảo vệ môi trường, giấy phép PCCC, khu vực trong và ngoài nhà xưởng, kho bãi. Các loại giấy tờ này phải đảm bảo tính đầy đủ, hợp pháp, không ảnh hưởng đến bên B. trong quá trình thuê nếu bên B cần đổi sang tên công ty chi phí đổi tên bên B chịu trách nhiệm nếu cần bên A giúp đỡ bên A sẽ phối hợp để công việc thay đổi được thuận lợi.
- j) Bàn giao các hệ thống sử dụng điện, nước đầy đủ cho bên B theo hiện trạng ban đầu (theo biên bản bàn giao).
- k) Chi phí công chứng giấy tờ do bên B chịu.
- m) Các nghĩa vụ khác trong hợp đồng.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên B

1. Bên B có các quyền sau đây:

- 1.1 Yêu cầu bên A giao nhà xưởng, kho bãi theo thỏa thuận trong hợp đồng;
- 1.2. Yêu cầu bên A cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực về nhà xưởng, kho bãi;
- 1.3. Được cho thuê lại một phần hoặc toàn bộ nhà xưởng, kho bãi, công trình xây dựng nếu có thỏa thuận trong hợp đồng hoặc được bên A đồng ý bằng văn bản;
- 1.4. Được tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận với bên A trong trường hợp bên B thay đổi chủ sở hữu;
- 1.5. Yêu cầu bên A hỗ trợ về mặt thủ tục pháp lý liên quan đến nhà xưởng.
- 1.6. Yêu cầu bên A bồi thường thiệt hại do lỗi của bên A gây ra.
- 1.7. Nếu bên A đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng thì bên A phải báo trước cho bên B ít nhất 03 tháng đồng thời bồi thường 01 năm tiền thuê nhà, và các chi phí bên B đã đầu tư mở rộng nhà xưởng, chi phí vận chuyển từ địa điểm bên A cho thuê đến địa điểm mới trong phạm vi tỉnh Ninh Bình(trừ các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt và các yếu tố xã hội).
- 1.8. Các quyền khác trong hợp đồng.

2. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

 Hoa



- 2.1. Bảo quản, sử dụng nhà xưởng, kho bãi đúng công năng, thiết kế và thỏa thuận trong hợp đồng.
- 2.2. Thanh toán đủ tiền thuê nhà xưởng, kho bãi theo thời hạn và phương thức thỏa thuận trong hợp đồng.
- 2.3. Sửa chữa hư hỏng của nhà xưởng, kho bãi do lỗi của mình gây ra.
- 2.4. Trả nhà xưởng, kho bãi cho bên A sau khi đã hết thời hạn thuê theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.
- 2.5. Không được thay đổi, cải tạo, phá dỡ nhà xưởng, kho bãi nếu không có sự đồng ý của bên A; Nhà xưởng do bên B mở rộng sẽ được sử dụng tiếp nếu ký tiếp hợp đồng, nếu hợp đồng chấm dứt đúng thời hạn như đã thỏa thuận thì nhà xưởng mở rộng sẽ thuộc bên A.
- 2.6. Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra;
- 2.7. Các nghĩa vụ khác trong hợp đồng.

Điều 7. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và nộp lệ phí.

Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện (kinh phí do bên B chịu).

Điều 8. Phương thức giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện (tại tòa án Tỉnh Ninh Bình) để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cam đoan của các bên.

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

- 1.1. Những thông tin về nhân thân, về thửa đất và tài sản gắn liền với đất đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật.
- 1.2. Thửa đất và tài sản gắn liền với đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng/sở hữu theo quy định của pháp luật.
- 1.3. Tại thời điểm giao kết hợp đồng này:

- a) Thửa đất và tài sản gắn liền với đất không có tranh chấp, không cầm cố.
b) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

1.4. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

1.5. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan:

2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất và tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất.

2.3. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc.

2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này.


2.5. Thực hiện việc làm, Sản xuất gia công theo đúng Pháp luật Việt nam. Nếu vi phạm bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Điều 10. Điều khoản khác

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có phát hiện đối phương khai báo không trung thực làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến bên còn lại thì hợp đồng sẽ được chấm dứt mà không cần phải bồi thường bất cứ chi phí nào.

Điều 11. Điều khoản cuối cùng:

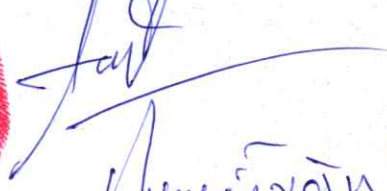
- Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này.

- Hai bên đã tự đọc lại hợp đồng này, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng và ký/đóng dấu vào hợp đồng này. 

BÊN CHO THUÊ

(Bên A)





Nguyễn Văn Thanh
Lời

Nguyễn Thị Hoa



BÊN THUÊ

(Bên B)



GIÁM ĐỐC

Mai Công Tài

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 25 tháng 03 năm 2021 (Ngày hai mươi lăm, tháng ba, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt). Tại Văn phòng công chứng Đức Trí, Địa chỉ: Số 09, Đường Lê Hồng Phong, Phường Vân Giang, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.

Tôi **Phạm Văn Trung**, công chứng viên Văn phòng công chứng Đức Trí.

CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 25/03/2021 này được giao kết giữa:

BÊN CHO THUÊ (sau đây gọi là bên A):

Ông: **Nguyễn Văn Thanh**, Sinh Năm 1970

Số CCCD số: 037070000673 ; Ngày cấp : 08/08/2016 tại Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư.

Hộ khẩu thường trú tại : Phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

Và vợ là: bà **Nguyễn Thị Hoa**, sinh năm 1973

Số CCCD: 037173000593; Ngày cấp : 08/08/2016 tại Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư.

Hộ khẩu thường trú tại: Phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

BÊN THUÊ (sau đây gọi là bên B):

CÔNG TY TNHH PHONG VIỆT VIỆT NAM

- Địa chỉ trụ sở : Phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2700926671 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 19 tháng 03 năm 2021

Người đại diện: Ông: **Mai Công Tài** Chức vụ: Giám đốc.

- Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng này;
- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Các bên giao kết đã đọc lại toàn bộ hợp đồng này, đồng ý toàn bộ nội dung hợp đồng, đã ký và điểm chỉ vào hợp đồng này trước mặt tôi;
- Hợp đồng này được lập thành 05 bản chính (mỗi bản chính gồm 05 tờ, 08 trang, có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bản chính, Bên B giữ 03 bản chính, 01 bản chính lưu tại Văn phòng công chứng Đức Trí, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.

Số công chứng **471** quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD.

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN

Phạm Văn Trung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 24062021/HĐ2021/QH-PV

“Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp (phế liệu giày da) ”

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Luật dân sự (sửa đổi) số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ môi trường Số: 55/2014/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 /01/2015;
- Căn cứ vào Nghị định Số: 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ Quy định về quản lý chất thải và phế liệu
- Căn cứ quyết định số: 23/2006/QĐ - BTNMT ngày 26/12/2006 “V/v Ban hành danh mục chất thải nguy hại” của Bộ Tài nguyên Môi trường.
- Căn cứ thông tư số: 36/2015/TT- BTNMT ngày 30/6/2015 về Quản lý chất thải nguy hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH Phong Việt Việt Nam và khả năng của Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Quý Hòa.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2021 tại văn phòng Công ty TNHH Phong Việt Việt Nam, chúng tôi gồm có:

CÔNG TY TNHH PHONG VIỆT VIỆT NAM (gọi tắt là bên A):

- Đại diện: Ông **MAI CÔNG TÀI** - Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: Phố Me, Thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
- Điện thoại: 0973.922.689
- Mã số thuế: 2700926671
- Số tài khoản:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI QUÝ HÒA (gọi tắt là bên B):

- Đại diện: Bà **THÂN THỊ KIM HIỀN** - Chức vụ: **Giám Đốc**
- Địa chỉ: Đội 2, Thôn Bình Sơn-Xã Mai Sơn-Huyện Yên Mô-Ninh Bình, Việt Nam.
- Điện thoại: 0904.710.385
- Mã số thuế: 2700846641
- Tài khoản số: 115635588888 Tại ngân hàng công thương Ninh Bình

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết hợp đồng “Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp (phế liệu giày da) ” với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: BÊN A THUÊ BÊN B THỰC HIỆN NHỮNG CÔNG VIỆC NHƯ SAU

1. Vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại.
2. Việc vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp (phế liệu giày da) phải tuân thủ đúng các quy định về vận chuyển, xử lý công nghiệp không nguy hại về bảo vệ môi trường của Việt Nam.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, SỐ LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

1. Địa điểm giao chất thải: Kho lưu giữ chất thải của Công ty TNHH Phong Việt Việt Nam tại Phố Me, Thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

2. Địa điểm xử lý:

- + Tại Thung Lang – TP. Tam Điệp – Tỉnh Ninh Bình
- + Tại Công ty Cổ phần Môi trường Nghi Sơn
- + Tại Nhà Máy xử lý chất thải rắn Ninh Bình
- + Tại Công ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Nam Trực
- + Tại Công ty TNHH TM VÀ DV Môi Trường Xanh Hoàng Hải Hà

3. Thời gian giao nhận: Khi có yêu cầu của bên A

4. Số lượng chất thải: Tùy theo lượng chất thải phát sinh của bên A nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho năng lực bốc xếp và vận chuyển cho bên B.

5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dùng, sắp xếp người cho hàng hoá lên xe.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải sinh hoạt.

STT	Tên chất thải	Số lượng (kg)	Đơn giá (VND)
1	Vận chuyển thu gom, tiêu hủy rác thải công nghiệp (phế liệu giày da)	Kg	1.000

- Đơn giá đã bao gồm thuế VAT.

1. Phương thức thanh toán

- Sau khi bên A nhận hóa đơn tài chính cùng các chứng từ khác có liên quan, bên A thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng bằng hình thức chuyển khoản, chậm nhất 30 ngày tính theo tháng, kể từ ngày đầu tiên của tháng kế tiếp cho bên B. Nếu ngày thanh toán cuối cùng là ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ, tết thì ngày thanh toán được chuyển sang ngày kế tiếp.

- Chứng từ thanh toán bao gồm:

- + Đối chiếu công nợ
- + Hóa đơn giá trị gia tăng.
- + Giấy đề nghị thanh toán.
- + Biên bản bàn giao (nghiệm thu) hàng hóa.

- + Các chứng từ khác có liên quan.
- Loại tiền thanh toán: Việt Nam đồng
- + Nếu bên B cung cấp sai Số tài khoản ngân hàng cho bên A thì bên B phải chịu cả phí chuyển khoản lần 2.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

1. Trách nhiệm bên A

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải công nghiệp không nguy hại bên A phải báo trước cho bên B ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của chủ vận chuyển vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển phù hợp.
- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc và giám sát trong quá trình thu gom bốc dỡ chất thải công nghiệp không nguy hại để công việc tiến triển thuận lợi và đúng pháp luật.
- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung hợp đồng sau khi bên A nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên B.
- Đảm bảo không có bên thứ 3 tham gia vào việc thu gom và xử lý chất thải.
- Phải có trách nhiệm đến cùng với chất thải đã bàn giao, phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cùng bên B vận chuyển và xử lý những chất thải nói trên một cách an toàn, hiệu quả và triệt để. Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương về quá trình thực hiện quản lý chất thải công nghiệp không nguy hại theo quy định của nhà nước.

2. Trách nhiệm của bên B

- Bên B phải có trách nhiệm đưa toàn bộ rác thải đã thu gom của bên A đến đúng địa điểm xử lý rác thải hợp pháp theo quy định của nhà nước. Nếu vi phạm bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.
- Vận chuyển đúng khối lượng và chủng loại chất thải công nghiệp không nguy hại của chủ nguồn thải bàn giao cho chủ xử lý. Có trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển, xử lý và ngay lập tức thông báo cho bên A để cùng phối hợp giải quyết các sự cố xảy ra (nếu có).
- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với chất thải công nghiệp không nguy hại của bên A.
- Xác nhận chứng từ chất thải công nghiệp không nguy hại và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A sau khi đã hoàn thành trách nhiệm của mình.
- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc và giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại để công việc tiến triển thuận lợi và đúng pháp luật.
- Nghiêm cấm công nhân bên B lấy trộm đồ của công ty, trộm giấy thành phẩm và bán thành phẩm. Nếu Bên A phát hiện Công nhân Bên B lấy trộm đồ thì sẽ phạt bên B tối thiểu là: 5.000.000 đ/ lần. Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng mà Bên B không được quyền có ý kiến gì.

- Nếu có bất kỳ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

ĐIỀU 5: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có giá trị 24 tháng kể từ ngày ký kết. Hết thời hạn trên, nếu hai Bên không có ý kiến gì thì Hợp đồng được tự động kéo dài 12 tháng tiếp theo và tối đa không quá 2 năm.

ĐIỀU 6: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng này.

Bất kỳ sự tranh chấp nào phát sinh từ hợp đồng này sẽ được xem xét từ hai bên thông qua việc thương thảo. Nếu một bên đơn phương thay đổi hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Nếu tranh chấp xảy ra không thể giải quyết được trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện, thì sẽ được đưa ra toà án kinh tế *Ninh Bình* để giải quyết.

- Hợp đồng lập thành 02 bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để làm cơ sở thực hiện./.

Ninh Bình, ngày 01 tháng 06 năm 2021

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



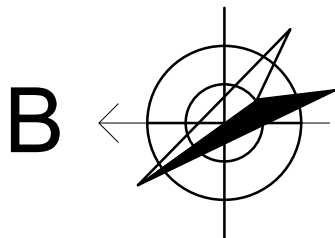
GIÁM ĐỐC

Chân Thị Kim Hiền

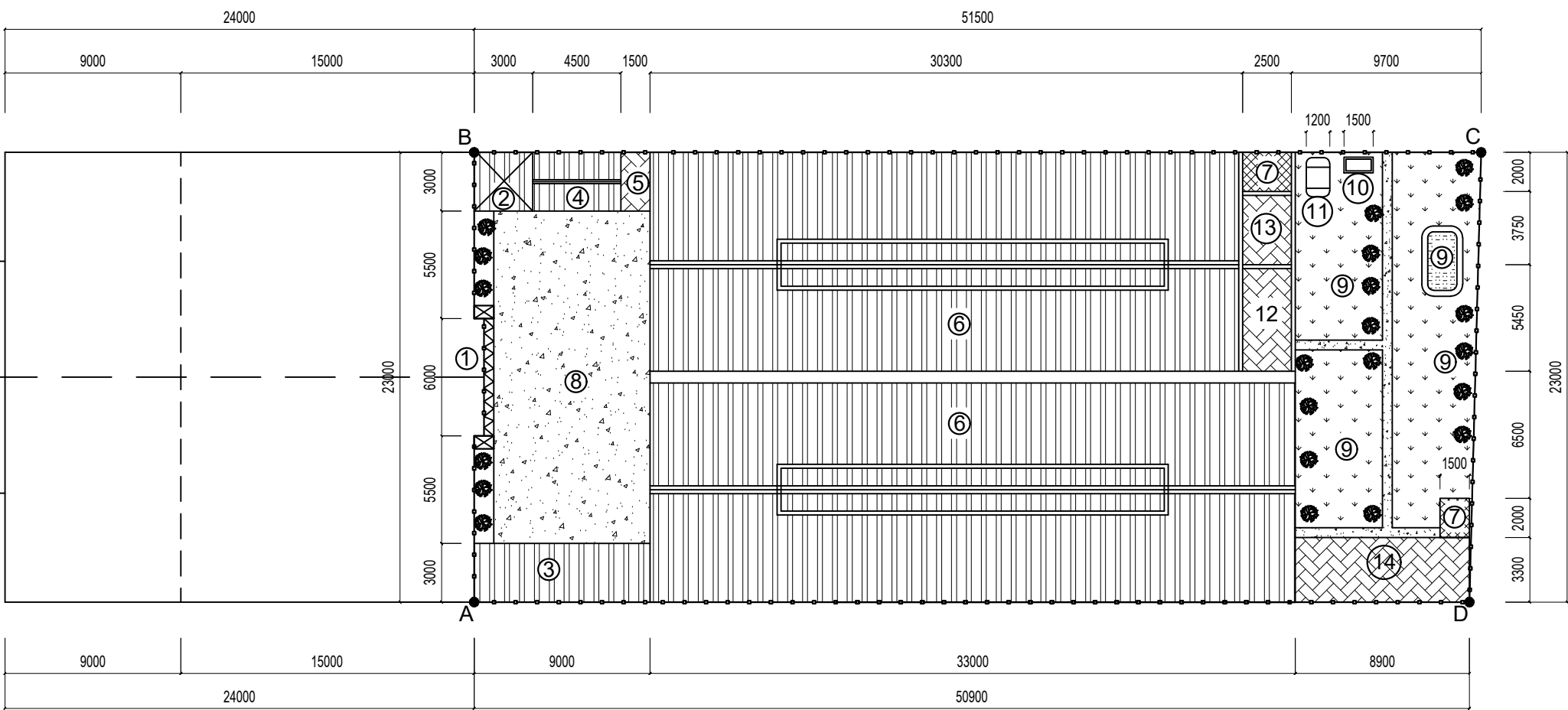
PHỤ LỤC II: CÁC BẢN VẼ

TỔNG MẶT BẰNG DỰ ÁN XƯỞNG GIA CÔNG SẢN XUẤT KINH DOANH PHỤ KIỆN GIÀY DÉP DA

ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN ME - HUYỆN NHO QUAN - TỈNH NINH BÌNH
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHONG VIỆT VIỆT NAM



KHU ĐẤT LIỀN KỀ



KHU ĐẤT LIỀN KỀ

GHI CHÚ

- 1 - CỔNG VÀO
- 2 - NHÀ BẢO VỆ
- 3 - LÁN ĐỂ XE
- 4 - KHU NHÀ VĂN PHÒNG
- 5 - KHO CHỨA CHẤT THẢI RẮN
- 6 - XƯỞNG SẢN XUẤT
- 7 - KHU NHÀ VỆ SINH
- 8 - SÂN + ĐƯỜNG NỘI BỘ
- 9 - CÂY XANH + BỂ CÁ
- 10 - TRẠM BIẾN ÁP
- 11 - BỒN CHỨA NƯỚC SẠCH
- 12- NHÀ ĂN
- 13- NHÀ PHA KEO
- 14 - NHÀ NGHỈ CBCNV

BẢNG THỐNG KÊ ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

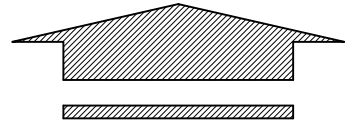
STT	TÊN CÔNG TRÌNH	D.TÍCH (M2)	TỈ LỆ (%)
1	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	1177	100
2	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	886	75.3
3	DIỆN TÍCH SÂN - ĐƯỜNG NỘI BỘ	210	17.8
4	DIỆN TÍCH CÂY XANH - MẶT NƯỚC	81	6.9
5	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	75.3	
6	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT	0.75 LẦN	

LẦN SỐ	NGÀY SỐ	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH PHONG VIỆT VIỆT NAM		
ĐỊA CHỈ: PHỐ ME, THỊ TRẤN ME, HUYỆN GIA VIÊN TỈNH NINH BÌNH		
DỰ ÁN: XƯỞNG GIA CÔNG SẢN XUẤT KINH DOANH PHỤ KIỆN GIÀY DÉP DA		
ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN PHỐ ME, THỊ TRẤN ME, HUYỆN GIA VIÊN, NINH BÌNH		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN MÔI TRƯỜNG GREEN ĐỊA CHỈ: TT9-35, ĐÔ THỊ MÔI VÂN PHÚ, P. PHÚ LA QUẬN ĐÔNG ĐÀ, TP. HÀ NỘI WB: GEGGROUP.VN MOBILE: 0868078383		
TỔNG GIÁM ĐỐC: PHẠM TRỌNG ĐẠT		
THIẾT KẾ, VẼ PHẠM TRỌNG TUẤN		
KIỂM NGUYỄN THỊ THỦY LINH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
TÊN BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG		
MÃ SỐ HỢP ĐỒNG		
KHÓ GIẤY:		HOÀN THÀNH: 2022
TỶ LỆ:		KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC DỰ ÁN XƯỞNG GIA CÔNG SẢN XUẤT KINH DOANH PHỤ KIỆN GIÀY DÉP DA

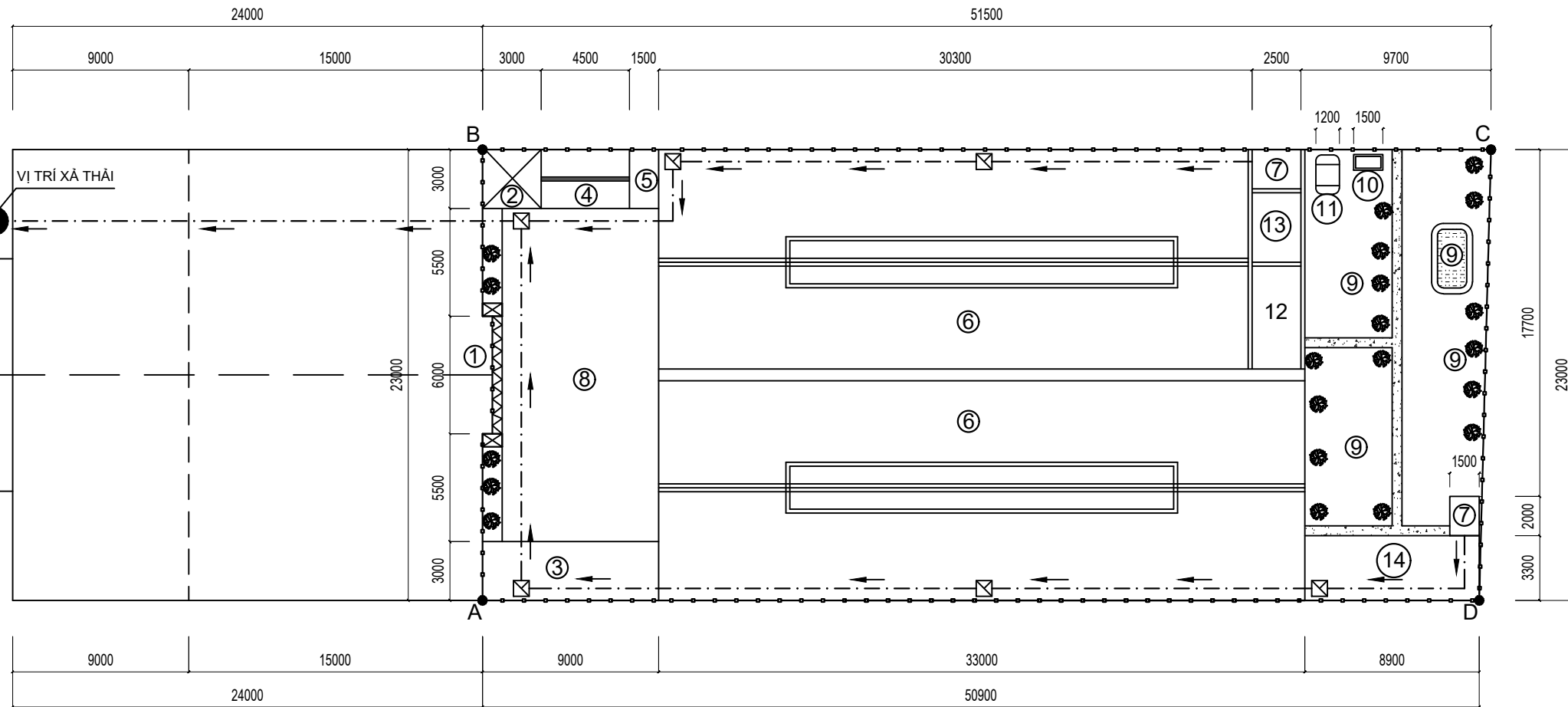
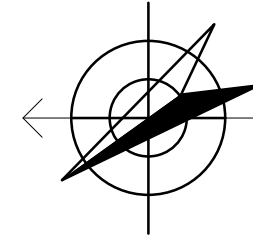
ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN ME - HUYỆN NHO QUAN - TỈNH NINH BÌNH
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHONG VIỆT VIỆT NAM

ĐI QUỐC LỘ 1A



KHU ĐẤT LIỀN KỀ

B



KHU ĐẤT LIỀN KỀ

NÚI ĐÁ

GHI CHÚ

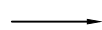
- 1 - CỔNG VÀO
- 2 - NHÀ BẢO VỆ
- 3 - LÁN ĐỂ XE
- 4 - KHU NHÀ VĂN PHÒNG
- 5 - KHO CHỨA CHẤT THẢI RẮN
- 6 - XƯỞNG SẢN XUẤT
- 7 - KHU NHÀ VỆ SINH
- 8 - SÂN + ĐƯỜNG NỘI BỘ
- 9 - CÂY XANH + BỂ CÁ
- 10 - TRẠM BIẾN ÁP
- 11 - BỒN CHỨA NƯỚC SẠCH
- 12 - NHÀ ĂN
- 13 - NHÀ PHA KEO
- 14 - NHÀ NGHỈ CBCNV

KÝ HIỆU

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC



HỐ GA THOÁT NƯỚC

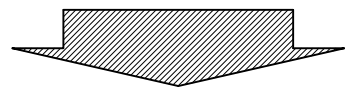


HƯỚNG NƯỚC CHẢY



VỊ TRÍ XẢ THẢI TỌA ĐỘ X= 2250521.2 ; Y= 587547.6

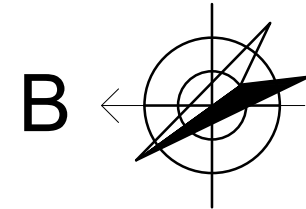
ĐI THỊ TRẤN ME



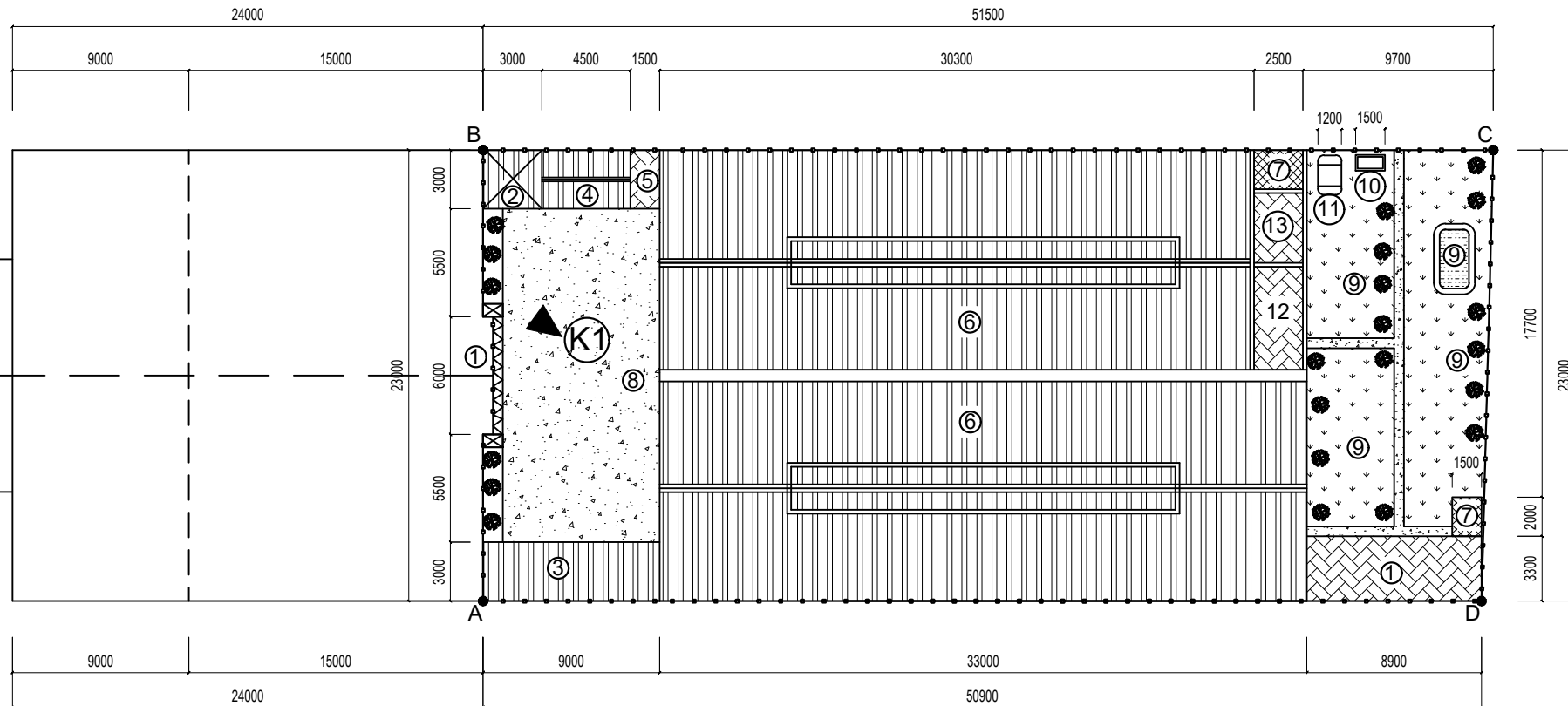
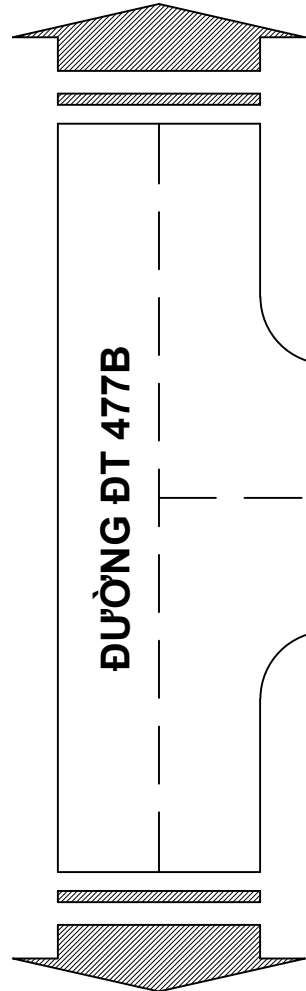
LẦN SỐ	NGÀY SỐ	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH PHONG VIỆT VIỆT NAM		
ĐỊA CHỈ: PHỐ ME, THỊ TRẤN ME, HUYỆN GIA VIÊN TỈNH NINH BÌNH		
DỰ ÁN: XUỞNG GIA CÔNG SẢN XUẤT KINH DOANH PHỤ KIỆN GIÀY DÉP DA		
ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN PHỐ ME, THỊ TRẤN ME, HUYỆN GIA VIÊN, NINH BÌNH		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN MÔI TRƯỜNG GREEN ĐỊA CHỈ: TT9-35, ĐÔ THỊ MỚI VĂN PHÚ, P. PHÚ LA QUẬN ĐÔNG ĐÀ, TP. HÀ NỘI WB: GEGGROUP.VN MOBILE: 0868078383		
TỔNG GIÁM ĐỐC: PHẠM TRỌNG ĐẠT		
THIẾT KẾ, VẼ PHẠM TRỌNG TUẤN		
KIỂM NGUYỄN THỊ THỦY LINH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC		
MÃ SỐ HỢP ĐỒNG		
KHÓ GIẤY:	HOÀN THÀNH: 2022	
TỶ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:	

VỊ TRÍ LẤY MẪU QUAN TRẮC DỰ ÁN XƯỞNG GIA CÔNG SẢN XUẤT KINH DOANH PHỤ KIỆN GIÀY DÉP DA

ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN ME - HUYỆN NHO QUAN - TỈNH NINH BÌNH
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHONG VIỆT VIỆT NAM



ĐI QUỐC LỘ 1A



NÚI ĐÁ

KHU ĐẤT LIỀN KỀ

GHI CHÚ

- 1 - CỔNG VÀO
- 2 - NHÀ BẢO VỆ
- 3 - LÁN ĐỂ XE
- 4 - KHU NHÀ VĂN PHÒNG
- 5 - KHO CHỨA CHẤT THẢI RẮN
- 6 - XƯỞNG SẢN XUẤT
- 7 - KHU NHÀ VỆ SINH
- 8 - SÂN + ĐƯỜNG NỘI BỘ
- 9 - CÂY XANH + BỂ CÁ
- 10 - TRẠM BIẾN ÁP
- 11 - BỒN CHỨA NƯỚC SẠCH
- 12 - NHÀ ẮN
- 13 - NHÀ PHA KEO

CHÚ THÍCH: VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC

- ▲ K1 - MẪU KHÔNG KHÍ LẤY TẠI CỔNG CÔNG TY
TỌA ĐỘ LẤY MẪU: X=2250531.5 ; Y=587542.1
- ▲ K2 - MẪU KHÔNG KHÍ LẤY TẠI VỊ TRÍ BÊN CẠNH CÔNG TY
TỌA ĐỘ LẤY MẪU: X=2250507.9 ; Y= 587556.3

LẦN SB	NGÀY SB	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH PHONG VIỆT VIỆT NAM		
ĐỊA CHỈ: PHỐ ME, THỊ TRẤN ME, HUYỆN GIA VIÊN TỈNH NINH BÌNH		
DỰ ÁN: XƯỞNG GIA CÔNG SẢN XUẤT KINH DOANH PHỤ KIỆN GIÀY DÉP DA		
ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN PHỐ ME, THỊ TRẤN ME, HUYỆN GIA VIÊN, NINH BÌNH		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN MÔI TRƯỜNG GREEN		
ĐỊA CHỈ: TT9-35, ĐÔ THỊ MỚI VÂN PHÚ, P. PHÚ LA QUẬN ĐÔNG ĐA, TP. HÀ NỘI WB: GEGGROUP.VN MOBILE: 0868078383		
TỔNG GIÁM ĐỐC:  PHẠM TRỌNG ĐẠT		
THIẾT KẾ, VẼ  PHẠM TRỌNG TUẤN		
KIỂM  NGUYỄN THỊ THUY LINH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
TÊN BẢN VẼ VỊ TRÍ LẤY MẪU QUAN TRẮC		
MÃ SỐ HỢP ĐỒNG		
KHỒ GIẤY:	HOÀN THÀNH: 2022	
TÝ LỆ:	KÝ HIỆU BẢN VẼ:	

PHỤ LỤC III:
PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1802/2022/K2211.110/1-2

Khách hàng	: Công ty Cổ phần tập đoàn môi trường Green
Địa điểm lấy mẫu	: Công ty TNHH Phong Việt Việt Nam
Địa chỉ	: Phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu	: Mẫu không khí xung quanh
Ngày lấy mẫu	: 22/11/2022 Ngày thử nghiệm : 22/11/2022- 05/12/2022
Thông tin về mẫu	: K2211.110/1 (K1): Mẫu không khí lấy tại cổng Cty; K2211.110/2 (K2): Mẫu không khí lấy tại vị trí bên cạnh nhà máy.
Tình trạng hoạt động	: Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		Giới hạn cho phép
				K1	K2	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2017/BTNMT	29,8	30,5	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2017/BTNMT	68,2	68,1	-
3	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,7	63,4	70 ⁽²⁾
4	Bụi lơ lửng	µg/m ³	TCVN 5067:1995	153	128	300 ⁽¹⁾
5	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	81	63	350 ⁽¹⁾
6	CO ₂	mg/m ³	CECP/PT.CO ₂	772	615	-
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	68	42	200 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (-): Không quy định tại Quy chuẩn;
- (1): QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- (2): QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2022

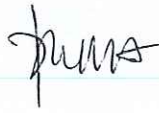
Cán bộ lập phiếu

Quản lý kỹ thuật

Giám đốc



Phạm Thị Hương



Phạm Biên Cương



Cao Duy Bảo

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Kết quả NTP được đánh dấu (*).

3. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;
5. Các kết quả của thông số hiện trường chỉ có giá trị tại thời điểm quan trắc.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1803/2022/K2211.111/1-2

Khách hàng	: Công ty Cổ phần tập đoàn môi trường Green
Địa điểm lấy mẫu	: Công ty TNHH Phong Việt Việt Nam
Địa chỉ	: Phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu	: Mẫu không khí xung quanh
Ngày lấy mẫu	: 23/11/2022 Ngày thử nghiệm : 23/11/2022- 05/12/2022
Thông tin về mẫu	: K2211.111/1 (K1): Mẫu không khí lấy tại cổng cty; K2211.111/2 (K2): Mẫu không khí lấy tại vị trí bên cạnh nhà máy.
Tình trạng hoạt động	: Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		Giới hạn cho phép
				K1	K2	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2017/BTNMT	31,7	30,8	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2017/BTNMT	65,5	65,2	-
3	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,4	62,8	70 ⁽²⁾
4	Bụi lơ lửng	µg/m ³	TCVN 5067:1995	146	106	300 ⁽¹⁾
5	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	78	57	350 ⁽¹⁾
6	CO ₂	mg/m ³	CECP/PT.CO ₂	712	584	-
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	54	38	200 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (-): Không quy định tại Quy chuẩn;
- (1): QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- (2): QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2022

Cán bộ lập phiếu



Phạm Thị Hương

Quản lý kỹ thuật



Phạm Biên Cương

Giám đốc



Cao Duy Bảo

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;
- Các kết quả của thống số hiện trường chỉ có giá trị tại thời điểm quan trắc.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1804/2022/K2211.112/1-2

Khách hàng	: Công ty Cổ phần tập đoàn môi trường Green
Địa điểm lấy mẫu	: Công ty TNHH Phong Việt Việt Nam
Địa chỉ	: Phố Me, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
Loại mẫu	: Mẫu không khí xung quanh
Ngày lấy mẫu	: 24/11/2022 Ngày thử nghiệm : 24/11/2022- 06/12/2022
Thông tin về mẫu	: K2211.112/1 (K1): Mẫu không khí lấy tại cổng cty; K2211.112/2 (K2): Mẫu không khí lấy tại vị trí bên cạnh nhà máy.
Tình trạng hoạt động	: Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		Giới hạn cho phép
				K1	K2	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2017/BTNMT	28,2	29,3	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2017/BTNMT	67,5	68,2	-
3	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	68,4	64,7	70 ⁽²⁾
4	Bụi lơ lửng	µg/m ³	TCVN 5067:1995	171	146	300 ⁽¹⁾
5	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	65	52	350 ⁽¹⁾
6	CO ₂	mg/m ³	CECP/PT.CO ₂	683	578	-
7	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	54	41	200 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (-): Không quy định tại Quy chuẩn;
- (1): QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- (2): QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2022

Cán bộ lập phiếu

Quản lý kỹ thuật

Giám đốc



Phạm Thị Hương



Phạm Biên Cường



Cao Duy Bảo

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.
- Các kết quả của thông số hiện trường chỉ có giá trị tại thời điểm quan trắc.